

THIÊN SƯ HUỆ HẢI



ĐỐN NGỘ
NHẬP ĐẠO
YẾU MÔN



Mục lục:

LỜI DỊCH GIẢ	3
TIỂU SỬ THIÊN SƯ ĐẠI CHÂU HUỆ HẢI.....	5
ĐỐN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN.....	7
NGŨ LỤC VẤN ĐÁP VÀ DẠY CHÚNG	34

LỜI DỊCH GIẢ

Quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn là một quyển luận nhỏ, nếu căn cứ phần lượng mà nói thì không thấm vào đâu đối với tam tạng giáo điển, nếu nhìn vào phẩm mà bàn là một viên ngọc quý vô giá của Thiên tông nói riêng, của Phật giáo Đại thừa nói chung. Vì thế, sau khi xem nó, Mã Tổ bảo chúng “Việt Châu có Đại Châu tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại”. Đành rằng Mã Tổ nói Đại Châu là ngậm ý chỉ thiên sư Huệ Hải, song sự thâm ngộ của thiên sư Huệ Hải được bày hiện dưới mắt Mã Tổ qua quyển luận nhỏ này.

Tên Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn nghĩa là “Cửa trọng yếu chóng ngộ vào đạo”. Người tu hành muốn được mau ngộ tất nhiên phải bước vào cửa này, chứ không còn cửa nào khác. Bởi vì cửa này là cửa tiến thẳng vào thẳng không quanh co, không mượn nhiều phương tiện. Tiến thẳng vào thẳng cái gì? Tiến thẳng đến vô sanh, vào thẳng Phật tánh. Những pháp tu khác hầu hết đều chỉ dạy từ từ, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Duy pháp Đốn Ngộ này: “Ngay nơi sanh diệt nhận vô sanh, ngay nơi phạm phu thấy được Phật tánh.” Ta hãy nghe trong đây định nghĩa Thiên định: “Vọng niệm chẳng sanh là Thiên. Ngồi thấy bản tánh là Định.” Thiên không có nghĩa là ngồi, mà trong bốn oai nghi tâm đều thanh tịnh sáng suốt không có một vọng niệm dấy khởi. Định không có nghĩa chú tâm vào một cảnh, mà thấy được bản tánh của mình. Bản tánh tức là Phật tánh hay chân tâm. Bản tánh không sanh không diệt, nên tâm không chạy theo cảnh sanh diệt. Định ấy mới thật chân định.

Pháp tu Đốn Ngộ này thật đơn giản, mà rất siêu việt. Vì lời dạy rất bình dị nằm gọn trong một vài câu là đủ tu giải thoát. Như một câu trong đây: “Việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm.” Mới đọc qua chúng ta thấy nó rất tầm thường, song nhận xét kỹ sẽ thấy nó hiện đầy đủ Như Lai thanh tịnh thiên hay Kim cang tam-muội, Pháp hoa tam-muội v.v... Thật vậy, “việc đến chẳng nhận” tức là tám gió thổi chẳng động. Bởi vì việc lợi, việc suy, việc hủy nhục, việc đề cao, việc khen ngợi, việc chê bai, việc khổ, việc vui đến, tâm đều không chấp nhận. Do tâm không chấp nhận nên không động, mà luôn luôn an nhiên trước mọi cảnh. Thế không phải Đại định là cái gì? “Tất cả chỗ không tâm”, tức là trong mọi trường

hợp, mọi thời gian không khi nào phóng tâm chạy theo ngoại cảnh. Tâm không theo cảnh là tâm như như hay là Đại Bát-nhã. Thế là đầy đủ Như Lai thiên rồi.

Bởi lời dạy cao siêu chắc thật này, nên thiền sư Huệ Hải dám đoan quyết với chúng ta rằng: “Các ông nếu y theo lời dạy đây tu, mà chẳng được giải thoát, tôi xin trọn đời thay các ông chịu tội trong đại địa ngục.” Thiền sư đã khéo dùng lời vấn đáp để chỉ dạy cho chúng ta dễ trực nhận, mà lại còn dám cam đoan y đó tu hành sẽ được giải thoát, bằng không ngài sẽ chịu tội địa ngục thế cho chúng ta. Thật còn gì đại bi bằng. Nếu chúng ta đủ duyên cầm trên tay quyển luận này mà không chịu y đó tu hành, thật là chúng ta đã cô phụ ơn ngài!

Khi phiên dịch quyển luận này, chúng tôi mong quý độc giả cùng chúng tôi đồng nỗ lực tiến thẳng đường chim mà chư Phật chư tổ nói chung, thiền sư Huệ Hải nói riêng, đã vạch và đã đi. Mong thay!

Tu viện Chơn Không

Cuối xuân Tân Hợi 1971

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

TIỂU SỬ THIÊN SƯ ĐẠI CHÂU HUỆ HẢI

Sư họ Châu quê ở Kiến Châu, theo Hòa thượng Đạo Trí chùa Đại Vân ở Việt Châu xuất gia học đạo.

Sơ khởi, Sư đến tham vấn Mã Tổ. Mã Tổ hỏi:

- Từ đâu đi đến?

Sư thưa:

- Ở Việt Châu chùa Đại Vân đến.

- Đến đây tính cầu việc gì?

- Đến cầu Phật pháp.

Mã Tổ bảo:

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Sư lễ bái thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu nói này, Sư tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ. Sư ở lại đây hầu Mã Tổ sáu năm.

Sau vì bốn sư tuổi già, Sư phải về phụng dưỡng. Từ đây, Sư tàng ẩn chỗ thâm ngộ của mình, hiện bề ngoài như kẻ tầm thường. Sư thâm soạn quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn này, bị Huyền Ấn là cháu trong pháp môn lên lấy đem trình Mã Tổ.

Mã Tổ xem xong, bảo đại chúng:

- Việt Châu có Đại Châu (hạt châu lớn) tròn sáng thấu suốt, tự tại không ngại.

Khi ấy, ở trong chúng có người biết Sư họ Châu bèn rủ nhau lần lượt tìm đến thưa hỏi và nương tựa. Từ đó, người ta gọi Sư là Hòa thượng Đại Châu.

Sư từng từ chối không chịu chỉ dạy, nhưng chúng cứ khư khư theo hầu, bất đắc dĩ Sư phải dùng biện tài vô ngại để giáo hóa.

ĐỐN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN

Cúi đầu đánh lễ chư Phật khắp mười phương, các chúng Bồ-tát lớn. Nay con soạn luận này, sợ e không hợp tâm Phật, xin cho con sám hối; nếu hợp tâm Phật, trọn đem bố thí tất cả hữu tình, nguyện đời sau đều được thành Phật.

Hỏi: Phải tu pháp gì chóng được giải thoát?

Đáp: Chỉ có một môn đốn ngộ là chóng được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là đốn ngộ?

Đáp: Đốn là chóng trừ vọng niệm. Ngộ là ngộ không chỗ được.

Hỏi: Từ cái gì mà tu?

Đáp: Từ căn bản mà tu.

Hỏi: Thế nào từ căn bản mà tu?

Đáp: Tâm là căn bản.

Hỏi: Làm sao biết tâm là căn bản?

Đáp: Kinh Lăng-già nói: “Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt.” Kinh Duy-ma nói: “Muốn được tịnh độ phải tịnh tâm ấy, tùy tâm ấy tịnh là Phật độ tịnh.” Kinh Di Giáo nói: “Chỉ tìm tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong.” Kinh nói: “Thánh nhân cầu tâm chẳng cầu Phật, ngu nhân cầu Phật chẳng cầu tâm, trí nhân điều tâm chẳng điều thân, ngu nhân điều thân chẳng điều tâm.” Kinh Phật Danh nói: “Tội từ tâm sanh lại từ tâm diệt.” Thế nên biết, tất cả thiện ác đều do tâm mình, do đó nói tâm là căn bản.

Nếu người cầu giải thoát trước phải biết căn bản. Nếu chẳng đạt được lý này, luống uổng nhọc công, từ nơi tướng bên ngoài mà cầu, thật không thể được. Kinh Thiên Môn nói: “Từ nơi tướng bên ngoài mà cầu, dù trải qua nhiều kiếp trọn không thể thành. Từ giác quán bên trong mà tu, bằng khoảng một niệm liền chứng Bồ-đề.”

Hỏi: Tu căn bản phải lấy pháp gì để tu?

Đáp: Chỉ tọa thiền, thiền định liên được. Kinh Thiên Môn nói: “Cầu trí thánh của Phật, cốt phải thiền định. Nếu không thiền định, thì niệm tưởng xao động, phá hoại căn lành kia.”

Hỏi: Thế nào là thiền? Sao là định?

Đáp: Vọng niệm chẳng sanh là thiền. Ngồi thấy bản tánh là định. Bản tánh là tâm vô sanh của ông vậy. Định là đối cảnh tâm không sanh, tám gió thổi chẳng động. Tám gió là: lợi (tài lợi), suy (suy hao), hủy (hủy nhục), dự (đề cao), xưng (khen ngợi), cơ (chê bai), khổ (đau khổ), lạc (vui vẻ). Nếu người được định như thế, tuy là phàm phu mà liền vào vị Phật. Vì sao? Kinh Bồ-tát Giới nói: “Chúng sanh thọ Phật giới, liền vào ngôi vị chư Phật.” Người được như thế gọi là giải thoát, cũng gọi đến bờ kia, hơn lục độ, vượt khỏi tam giới, là Bồ-tát đại lực, là bậc Tôn vô lượng lực, là đại trượng phu.

Hỏi: Tâm trụ chỗ nào là trụ?

Đáp: Tâm trụ chỗ không trụ là trụ.

Hỏi: Thế nào là chỗ không trụ?

Đáp: Chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là trụ chỗ không trụ.

Hỏi: Thế nào là chẳng trụ tất cả chỗ?

Đáp: Chẳng trụ tất cả chỗ là: chẳng trụ nơi lành dữ, có không, trong ngoài, chằng giữa, chẳng trụ không cũng chẳng trụ chẳng không, chẳng trụ định cũng chẳng trụ chẳng định, tức là chẳng trụ tất cả chỗ. Chỉ cái chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là chỗ trụ. Người được như thế, gọi là tâm không trụ. Tâm không trụ là tâm Phật.

Hỏi: Tâm ấy giống vật gì?

Đáp: Tâm ấy chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải dài ngắn tới lui, chẳng như chẳng sạch, chẳng sanh chẳng diệt, yên tĩnh thường lặng lẽ. Đó là hình tướng của bản tâm, cũng là bản thân. Bản thân là thân Phật.

Hỏi: Thân tâm này lấy cái gì để thấy? Lấy mắt thấy, lấy tai, mũi và thân tâm v.v... để thấy chăng?

Đáp: Cái thấy này không phải như các thứ thấy đó.

Hỏi: Đã không như các thứ thấy đó, là lấy cái gì thấy?

Đáp: Là tự tánh thấy. Vì sao? Vì tự tánh (tánh của mình) xưa nay trong sạch yên tĩnh rỗng lặng, chính trong cái thể rỗng lặng ấy hay sanh cái thấy này.

Hỏi: Chỉ như thể thanh tịnh còn không thể có, thì cái thấy này từ đâu mà có?

Đáp: Ví như trong gương sáng tuy không có hình tượng, mà có thể thấy tất cả hình tượng. Vì sao? Vì gương sáng không tâm. Người học đạo nếu tâm không có chỗ nhiễm, vọng tâm chẳng sanh, tâm ngã sở diệt, tự nhiên được thanh tịnh, vì thanh tịnh nên hay sanh cái thấy này. Kinh Pháp Cú nói: “Trong cứu cánh không, rõ ràng dựng lập, ấy là thiện tri thức.”

Hỏi: Kinh Niết-bàn trong phẩm Kim Cang Thân nói: “Không thể thấy mà thấy rõ ràng, không có biết mà không gì chẳng biết” là thế nào?

Đáp: Không thể thấy, vì cái thể của tự tánh không hình tướng, không thể có, nên nói không thể thấy. Song cái thấy không thể được đó, thể nó yên tĩnh lặng lẽ, không có tới lui, chẳng lìa dòng đời mà dòng đời không loi cuốn được nó, thản nhiên tự tại, tức là thấy rõ ràng.

Không có biết, vì tự tánh không hình, vốn không phân biệt, nên nói không có biết. Không gì chẳng biết, vì trong cái thể không phân biệt ấy đầy đủ hằng sa diệu dụng. Hay phân biệt tất cả thì không việc gì chẳng biết, nên nói không gì chẳng biết. Kệ Bát-nhã nói: “Bát-nhã không biết, không việc gì chẳng biết; Bát-nhã không thấy, không chỗ nào chẳng thấy.”

Hỏi: Kinh nói: “Chẳng thấy có không là chân giải thoát.” Thế nào là chẳng thấy có không?

Đáp: Khi chứng được tâm thanh tịnh gọi là có, trong đó chẳng sanh cái tướng được tâm thanh tịnh, gọi là chẳng thấy có. Được cái tướng không sanh không trụ, mà không khởi tướng được không sanh không trụ, gọi là chẳng thấy không, nên nói chẳng thấy có không. Kinh Lăng-nghiêm nói “Thấy biết lập thấy biết là gốc vô minh, thấy biết không lập thấy biết, đây là Niết-bàn”, cũng gọi là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là không có chỗ thấy?

Đáp: Nếu thấy kẻ nam người nữ và tất cả màu sắc hình tượng, mà ở trong đó không khởi tâm yêu ghét thì cùng không thấy chẳng khác, ấy là không có chỗ thấy.

Hỏi: Khi đối tất cả màu sắc hình tượng thì gọi là thấy, khi chẳng đối màu sắc hình tượng cũng gọi là thấy chăng?

Đáp: Gọi thấy!

Hỏi: Khi đối vật là có thấy, khi không đối vật làm sao có thấy?

Đáp: Nay nói thấy, không luận đối vật cùng chẳng đối vật. Vì sao? Vì tánh thấy thường hằng, khi có vật thì thấy vật, khi không vật thì thấy không.

Thế nên biết, vật tự có đi lại, tánh thấy không có đi lại, các căn (tai, mũi, lưỡi, thân...) cũng như vậy.

Hỏi: Ngay khi thấy vật, trong cái thấy có vật chăng?

Đáp: Trong cái thấy chẳng lập vật.

Hỏi: Ngay khi thấy không vật, trong cái thấy có không vật chăng?

Đáp: Trong cái thấy chẳng lập không vật.

Hỏi: Khi có tiếng là có nghe, khi không tiếng lại được nghe chăng?

Đáp: Cũng nghe.

Hỏi: Khi có tiếng là từ tiếng có nghe, khi không tiếng làm sao được nghe?

Đáp: Nay nói nghe chẳng luận có tiếng không tiếng. Vì sao? Vì tánh nghe thường hằng. Khi có tiếng liền nghe, khi không tiếng cũng nghe.

Hỏi: Người nghe như thế là ai?

Đáp: Là tánh nghe của mình, cũng gọi là người biết nghe.

Hỏi: Môn đốn ngộ này lấy gì làm Tông (chủ)? Lấy gì làm Chỉ (chỉ thú)? Lấy gì làm Thể? Lấy gì làm Dụng?

Đáp: Lấy vô niệm làm Tông. Vọng tâm chẳng khởi làm Chỉ. Lấy thanh tịnh làm Thể. Lấy trí làm Dụng.

Hỏi: Đã nói vô niệm làm Tông, chưa biết vô niệm là vô niệm nào?

Đáp: Vô niệm là không tà niệm, chứ chẳng phải không chánh niệm.

Hỏi: Thế nào là tà niệm? Thế nào là chánh niệm?

Đáp: Niệm có, niệm không là niệm tà, chẳng niệm có không là niệm chánh; niệm thiện, niệm ác là niệm tà, chẳng niệm thiện ác là niệm chánh; cho đến niệm khổ vui, sanh diệt, thủ xả, oán thân, yêu ghét thấy đều là niệm tà, chẳng niệm khổ vui... là niệm chánh.

Hỏi: Thế nào là chánh niệm?

Đáp: Chánh niệm là chỉ niệm Bồ-đề.

Hỏi: Bồ-đề có thể được chẳng?

Đáp: Bồ-đề không thể được.

Hỏi: Đã không thể được làm sao chỉ niệm Bồ-đề?

Đáp: Bồ-đề chỉ là danh tự giả lập, thật không thể được. Cũng không có trước sau được. Vì không thể được nên không có niệm. Chỉ cái không niệm ấy gọi là chân niệm. Bồ-đề không có chỗ niệm.

Không có chỗ niệm tức là tất cả chỗ không tâm, ấy là không có chỗ niệm.

Những lối giải vô niệm như trên, đều là tùy sự phương tiện giả lập danh tự, vẫn đồng một thể, không hai không khác. Cốt biết tất cả chỗ không tâm tức là vô niệm. Khi được vô niệm thì tự nhiên giải thoát.

Hỏi: Thế nào là hành hạnh Phật?

Đáp: Chẳng hành tất cả hạnh là hành hạnh Phật, cũng gọi là hạnh chánh, cũng gọi là hạnh thánh. Như trước đã nói, chẳng hành có không, yêu ghét v.v... ấy vậy. Đại Luật quyển năm phẩm Bồ-tát nói: “Tất cả thánh nhân chẳng hành hạnh chúng sanh, chẳng hành hạnh chúng sanh là hạnh thánh.”

Hỏi: Thế nào là chánh kiến?

Đáp: Thấy mà không có chỗ thấy là chánh kiến.

Hỏi: Thế nào thấy mà không có chỗ thấy?

Đáp: Khi thấy tất cả sắc không khởi nhiễm trước. Không nhiễm trước thì không khởi tâm yêu ghét, ấy là thấy mà không có chỗ thấy. Nếu khi được thấy mà không có chỗ thấy gọi là con mắt Phật, trọn không có con mắt khác. Nếu khi thấy tất cả sắc khởi yêu ghét, ấy là có chỗ thấy. Có chỗ thấy là con mắt chúng sanh, trọn không có con mắt khác làm con mắt chúng sanh, cho đến các căn cũng lại như thế.

Hỏi: Nói lấy Trí làm Dụng, thế nào là Trí?

Đáp: Biết hai tánh không tức là giải thoát. Biết hai tánh chẳng không, thì không được giải thoát. Ấy gọi là Trí, cũng gọi là rõ tà chánh, cũng gọi hiểu Thể Dụng. Hai tánh không là Thể, biết hai tánh không là giải thoát. Lại không sanh nghi gọi là Dụng. Nói hai tánh không là chẳng sanh tâm có không, lành dữ, yêu ghét vậy.

Hỏi: Môn này từ đâu mà vào?

Đáp: Từ bố thí ba-la-mật mà vào.

Hỏi: Phật nói sáu pháp ba-la-mật (đến bến bờ kia hay được giải thoát) là hạnh của Bồ-tát, tại sao ở đây chỉ nói riêng bố thí ba-la-mật thì đâu thể đầy đủ mà được vào?

Đáp: Người mê không biết năm độ kia (trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ) đều nhân bố thí mà sanh. Chỉ tu bố thí thì sáu pháp đều đầy đủ.

Hỏi: Bố thí vật gì?

Đáp: Bố thí là bỏ hai tánh.

Hỏi: Thế nào là hai tánh?

Đáp: Bố thí là bỏ tánh thiện ác, bố thí là bỏ tánh có không, tánh yêu ghét, tánh không chẳng không, tánh định chẳng định, tánh tịnh bất tịnh, tất cả đều thí bỏ hết thì được hai tánh không. Nếu khi được hai tánh không, cũng chẳng được khởi tưởng hai tánh không, cũng chẳng được khởi nghĩ tưởng có bố thí, tức là chân thật hành bố thí ba-la-mật, cũng gọi là muôn duyên đều bật. Muôn duyên đều bật tức là tất cả pháp tánh không ấy vậy. Pháp tánh không là tất cả chỗ không tâm. Nếu khi được tất cả chỗ không tâm là không có một tướng có thể được. Vì sao? Vì tự tánh không, nên không một tướng có thể được. Không một tướng có thể được là tướng thật. Tướng thật là tướng Như Lai diệu sắc thân. Kinh Kim Cang nói: “Lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật.”

Hỏi: Phật nói sáu ba-la-mật, tại sao nay chỉ nói một, cho là đầy đủ, xin nói nguyên nhân một gồm đủ sáu pháp?

Đáp: Kinh Tư Ích nói: “Ngài Vông Minh gọi Phạm thiên nói: Nếu Bồ-tát bỏ tất cả phiền não gọi là Bố thí ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ dính mắc gọi là Trì giới ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ xâm phạm gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Nơi các pháp lìa tướng gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ trụ gọi là Thiền định ba-la-mật. Nơi các pháp không hý luận là Trí tuệ ba-la-mật.” Đó gọi là sáu pháp. Nay nói sáu pháp

nay chẳng khác, vì tóm lược pháp thứ nhất là bỏ, thứ hai là không khởi, thứ ba là không niệm, thứ tư là lìa tướng, thứ năm là không trụ, thứ sáu là không hý luận. Sáu pháp như thế, tùy việc phương tiện tạm đặt tên, chứ đến chỗ diệu lý thì không hai không khác. Chỉ biết một bỏ thì tất cả đều bỏ, không khởi thì tất cả đều không khởi. Trên đường mê lầm không khế hội ắt cho có sai khác. Người ngu mắc kẹt trong pháp số, nên trôi lăn mãi trong sanh tử. Bảo cho các người học đạo, chỉ tu pháp Bồ thí là tròn đầy muôn pháp, huống là năm pháp mà chẳng đủ sao?

Hỏi: Tam học đẳng dụng, cái gì là tam học?

Thế nào là đẳng dụng?

Đáp: Tam học là giới định tuệ.

Hỏi: Nghĩa giới định tuệ thế nào?

Đáp: Thanh tịnh không nhiễm là Giới. Biết tâm chẳng động, đối cảnh vắng lặng là Định. Khi biết tâm chẳng động mà chẳng sanh tưởng chẳng động, khi biết tâm thanh tịnh mà chẳng sanh tưởng thanh tịnh, cho đến thiện ác đều hay phân biệt, mà ở trong ấy không nhiễm, được tự tại, ấy gọi là Tuệ.

Nếu khi biết thể của giới định tuệ đều không thể được, thì không phân biệt, là đồng một thể, ấy gọi là tam học đẳng dụng.

Hỏi: Nếu khi tâm trụ tịnh, chẳng phải chấp tịnh sao?

Đáp: Khi được trụ tịnh, mà chẳng khởi tưởng trụ tịnh, ấy là không chấp tịnh.

Hỏi: Tâm khi trụ không, chẳng phải chấp không chẳng?

Đáp: Nếu khởi tưởng không, gọi là chấp không.

Hỏi: Nếu khi tâm được trụ chỗ không trụ, chẳng phải chấp chỗ không chỗ trụ sao?

Đáp: Chỉ cái khởi tưởng không là không có chỗ chấp. Nếu ông muốn thấu rõ, hiểu được tâm không có chỗ trụ, thì khi ngồi ngay thẳng chỉ biết tâm, chớ suy nghĩ tất cả vật, tất cả thiện ác đều chớ

suy nghĩ, vì việc quá khứ đã đi rồi, chớ suy nghĩ, thì tâm quá khứ tự bật, gọi là không việc quá khứ. Việc vị lai chưa đến, chớ mong chớ cầu, thì tâm vị lai tự bật, gọi là không việc vị lai. Việc hiện tại đã hiện tại, đối tất cả việc chỉ biết không chấp, không chấp là chẳng khởi tâm yêu ghét, thì tâm hiện tại bật, gọi là không việc hiện tại. Không nhiếp thuộc ba thời, cũng gọi không ba thời. Nếu khi tâm khởi đi thì chớ theo đi, tâm đi tự bật. Nếu khi tâm khởi đứng cũng chớ theo đứng, tâm đứng tự bật. Ấy là tâm không trụ, là trụ chỗ không trụ vậy. Nếu tự biết rõ ràng khi trụ nơi trụ, chỉ có vật trụ cũng không có chỗ trụ, cũng chẳng không chỗ trụ.

Nếu tự biết rõ ràng tâm chẳng trụ tất cả chỗ, gọi là rõ ràng thấy được bản tâm, cũng gọi là rõ ràng thấy tánh vậy. Chỉ cái tâm chẳng trụ tất cả chỗ ấy, tức là tâm Phật, cũng gọi là tâm giải thoát, tâm Bồ-đề, tâm vô sanh, sắc tánh không. Kinh nói “chứng vô sanh pháp nhẫn” đó vậy.

Nếu ông khi chưa được như thế, phải cố gắng! Cố gắng! Cần dụng công thêm, khi công thành thì tự hội. Nói hội, là tất cả chỗ không tâm, ấy là hội. Nói không tâm là không cái tâm giả chứ chẳng phải không tâm chân. Tâm giả là tâm yêu ghét.

Tâm chân thật là tâm không yêu ghét. Chỉ không tâm yêu ghét thì hai tánh không. Hai tánh không thì tự nhiên giải thoát.

Hỏi: Chỉ lúc ngồi thiền dụng công, khi đi có được dụng công chăng?

Đáp: Nay nói dụng công, chẳng riêng khi ngồi, cho đến đi đứng ngồi nằm, làm công việc, trong tất cả thời đều thường dụng công không gián đoạn ấy gọi là thường trụ.

Hỏi: Kinh Phương Quảng nói năm thứ pháp thân:

1. Thật tướng pháp thân
2. Công đức pháp thân
3. Pháp tánh pháp thân

4. Ứng hóa pháp thân

5. Hư không pháp thân.

Ngay nơi thân mình là thân nào?

Đáp: Biết tâm chẳng hoại là Thật tướng pháp thân. Biết tâm bao gồm vạn tượng là Công đức pháp thân. Biết tâm không tâm là Pháp tánh pháp thân. Tùy căn cơ ứng nói là Ứng hóa pháp thân. Biết tâm không hình không the được là Hư không pháp thân. Nếu người thấu rõ nghĩa này là biết không chứng. Người không đắc không chứng là chứng Phật pháp thân. Nếu có chứng có đắc cho là chứng được, ấy là người tà kiến tăng thượng mạn, gọi là ngoại đạo. Vì cớ sao? Kinh Duy-ma nói: “Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ: Người đã được pháp gì, chứng được pháp gì, mà biện được như thế? Thiên nữ đáp: Tôi không được không chứng, mới được như thế; nếu có được có chứng thì ở trong Phật pháp là người tăng thượng mạn.”

Hỏi: Kinh nói Đẳng giác, Diệu giác, thế nào là Đẳng giác? Thế nào là Diệu giác?

Đáp: Tức sắc tức không⁽¹⁾ gọi là Đẳng giác. Vì hai tánh không gọi là Diệu giác. Lại nữa, không giác không không giác gọi là Diệu giác.

Hỏi: Đẳng giác cùng Diệu giác là khác hay chẳng khác?

Đáp: Vì tùy sự phương tiện giả lập hai tên, chứ bản thể là một không hai không khác, cho đến tất cả pháp đều như vậy cả.

Hỏi: Kinh Kim Cang nói: “Không pháp có thể thuyết, ấy gọi là thuyết pháp.” Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Thể của Bát-nhã cứu cánh thanh tịnh, không có một vật có thể được, ấy gọi là “không pháp có thể thuyết”. Ngay trong thể không tịch của Bát-nhã, đầy đủ diệu dụng như hắng sa, tức là

1. Tức sắc tức không: là thấy sắc mà không tâm, hoặc thấy tánh sắc tức là không.

không việc gì chẳng biết, “ấy gọi là thuyết pháp”. Cho nên nói “không pháp có thể thuyết, ấy gọi là thuyết pháp”.

Hỏi: Kinh nói: “Có người thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh chê, là người ấy tội nghiệp đời trước lẽ phải sa vào đường ác, do đời này bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước liền được tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Như có người chưa gặp đại thiện tri thức, chỉ tạo nghiệp ác, bản tâm thanh tịnh bị ba độc vô minh che lấp không thể lộ bày, cho nên nói lẽ phải sa vào đường ác. Do đời này bị người khinh chê, tức là hôm nay phát tâm cầu Phật đạo, khiến vô minh diệt hết, ba độc chẳng sanh, thì bản tâm sáng suốt, lại không loạn niệm, các ác hăng dứt sạch nên đời này bị người khinh chê. Vô minh diệt hết, loạn niệm chẳng sanh, thì tự nhiên giải thoát, nên nói sẽ được Bồ-đề. Chính khi phát tâm gọi là đời này, chẳng phải cách đời.

Hỏi: Kinh lại nói “Như Lai có ngũ nhãn” thế là sao?

Đáp: Thấy sắc thanh tịnh gọi là Nhục nhãn. Thấy thể thanh tịnh gọi là Thiên nhãn. Đối các cảnh sắc cho đến thiện ác đều hay phân biệt vi tế, không có nhiễm trước, ở trong ấy được tự tại, gọi là Tuệ nhãn. Thấy không có chỗ thấy gọi là Pháp nhãn. Không thấy không không thấy gọi là Phật nhãn.

Hỏi: Lại, kinh nói Đại thừa Tối thượng thừa, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Đại thừa là Bồ-tát thừa, Tối thượng thừa là Phật thừa.

Hỏi: Tu thế nào để được thừa này?

Đáp: Người tu Bồ-tát thừa tức là Đại thừa. Chứng Bồ-tát thừa rồi, lại không khởi quán, đến chỗ không tu, yên tịnh thường lặng lẽ, chẳng thêm chẳng bớt, gọi là Tối thượng thừa, tức là Phật thừa.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói: “Định nhiều tuệ ít chẳng là vô minh, định ít tuệ nhiều thêm lớn tà kiến, định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát.” Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Đối tất cả thiện ác đều phân biệt là tuệ, đối với cái bị phân biệt chẳng khởi yêu ghét, chẳng nhiễm trước nó là định, đây là định tuệ đồng dùng vậy.

Hỏi: Không bàn không nói gọi là định, chính khi bàn nói được gọi là định chẳng?

Đáp: Nay nói định, chẳng luận nói cùng chẳng nói, vẫn thường định. Vì sao? Vì khi dùng tánh định nói năng phân biệt thì nói năng phân biệt cũng là định. Nếu khi dùng tâm Không để quán sắc, thì lúc quán sắc cũng không. Nếu khi chẳng quán sắc, chẳng nói chẳng phân biệt cũng không. Cho đến thấy nghe hiểu biết cũng như thế. Vì cớ sao? Vì tự tánh không thì đối tất cả chỗ đều không. Không thì không chấp, không chấp là đồng dùng. Bởi Bồ-tát thường dùng pháp đẳng không (cả thấy đều không) như thế nên được đến cứu cánh. Cho nên nói “định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát”.

Tôi lại vì ông nói ví dụ để hiển bày, khiến ông tỉnh tỉnh, được hiểu dứt nghi. Ví như gương sáng khi chiếu soi hình tượng, ánh sáng của gương có động chẳng? Chẳng động. Lúc chẳng chiếu cũng động chẳng? Chẳng động. Tại sao? Vì gương sáng dùng ánh sáng vô tình chiếu, nên khi chiếu chẳng động, khi chẳng chiếu cũng chẳng động. Vì sao? Bởi trong vô tình không có động, cũng không có chẳng động.

Lại như ánh sáng mặt trời khi chiếu thế gian, ánh sáng có động chẳng? Chẳng động. Nếu khi chẳng chiếu có động chẳng? Chẳng động. Vì sao? Vì ánh sáng kia vô tình, dùng ánh sáng vô tình chiếu soi, cho nên chẳng động, chẳng chiếu cũng chẳng động. Chiếu đó là tuệ, chẳng động là định.

Bồ-tát dùng pháp định tuệ đồng ấy thì được Vô thượng giác. Cho nên nói “định tuệ đẳng dụng tức là giải thoát”. Nói vô tình là không phạm tình, chẳng phải không thánh tình.

Hỏi: Thế nào là phạm tình? Thế nào là thánh tình?

Đáp: Nếu khởi hai tánh (có không, yêu ghét) tức là phạm tình. Hai tánh không tức là thánh tình.

Hỏi: Kinh nói: “Bặt đường nói năng, dứt chỗ tâm nghĩ” (Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ biệt). Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Dùng lời nói để hiển bày nghĩa, được nghĩa phải bặt lời. Nghĩa tức là không, không tức là đạo, đạo thì bặt lời, nên nói “bặt đường nói năng”. Dứt chỗ tâm nghĩ là được nghĩa thật tể thì chẳng khởi quán, vì chẳng khởi quán nên vô sanh, vì vô sanh nên tất cả tánh sắc đều không, vì tánh sắc không nên muôn duyên đều dứt, muôn duyên đều dứt, ấy là “dứt chỗ tâm nghĩ”.

Hỏi: Như như là thế nào?

Đáp: Như như là nghĩa chẳng động. Tâm chân như nên gọi là như như. Thế nên biết chư Phật quá khứ hành hạnh này được thành đạo, Phật hiện tại hành hạnh này cũng được thành đạo, Phật vị lai hành hạnh này cũng được thành đạo. Ba đời chư Phật chỗ tu và chứng đạo không khác, nên nói như như. Kinh Duy-ma nói: “Chư Phật cũng như, Di-lặc cũng như, cho đến tất cả chúng sanh thấy đều như.” Vì sao? Vì Phật tánh chẳng dứt, bởi có tánh vậy.

Hỏi: Tức sắc tức không, tức phạm tức thánh, phải đốn ngộ chẳng?

Đáp: Phải.

Hỏi: Thế nào là tức sắc tức không, tức phạm tức thánh?

Đáp: Tâm có nhiễm tức sắc, tâm không nhiễm tức không, tâm có nhiễm tức phạm, tâm không nhiễm tức thánh. Lại, chân không mà diệu hữu là tức sắc, sắc không thể được là tức không. Nay nói

không là tánh sắc tự không, chẳng phải sắc diệt mới không. Nói sắc là tánh không tự có sắc, chẳng phải sắc hay làm sắc.

Hỏi: Kinh nói “Pháp môn tận vô tận” là thế nào?

Đáp: Vì hai tánh không, nên thấy nghe không sanh là tận. Tận là các lậu hết. Vô tận là ở trong thể vô sanh đầy đủ hằng sa diệu dụng, tùy việc ứng hiện thấy đều đầy đủ, mà trong bản thể cũng không tổn giảm gọi là vô tận. Ấy là pháp môn tận vô tận vậy.

Hỏi: Tận cùng vô tận, là một hay khác?

Đáp: Thế là một, nói thì có khác.

Hỏi: Thế là một tại sao nói có khác?

Đáp: Một là thể của nói, nói là dụng của thể. Vì tùy sự ứng dụng, nên nói thể đồng mà nói thì khác. Ví như trên trời có một mặt nhật, dưới đất để các thứ chậu chứa nước đầy, trong mỗi chậu đều thấy có mặt nhật. Các mặt nhật trong chậu thấy đều tròn đầy cùng mặt nhật trên trời không sai biệt, nên nói thể đồng. Vì tùy chậu đặt tên nên có sai biệt, do đó có khác. Cho nên bảo thể đồng, nói thì có khác. Các mặt nhật hiện trong chậu đều tròn đầy, so với mặt nhật chánh trên trời không có thua kém, nên nói “vô tận”.

Hỏi: Kinh nói “Chẳng sanh chẳng diệt”, pháp gì chẳng sanh? Pháp gì chẳng diệt?

Đáp: Pháp ác chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

Hỏi: Thế nào là ác? Thế nào là thiện?

Đáp: Tâm nhiễm lậu là ác. Tâm không nhiễm lậu là thiện. Chỉ không nhiễm không lậu thì pháp ác chẳng sanh. Khi được không nhiễm không lậu thì thanh tịnh tròn sáng, lóng yên thường lặng, cứu cánh không dời đổi, ấy gọi là pháp thiện chẳng diệt. Đây tức là chẳng sanh chẳng diệt vậy.

Hỏi: Trong Bồ-tát Giới nói: “Chúng sanh thọ Phật giới liền vào vị chư Phật, vị đồng bậc Đại giác rồi, mới thật là con Phật.” Nghĩa này thế nào?

Đáp: Phật giới là tâm thanh tịnh đó vậy. Nếu có người phát tâm tu hành hạnh thanh tịnh, được tâm không có chỗ thọ, gọi là thọ Phật giới. Chư Phật đời quá khứ đều tu hạnh không thọ thanh tịnh, được thành Phật đạo. Thời nay có người phát tâm tu hạnh không thọ thanh tịnh thì cùng chư Phật đồng công đức đẳng dụng không khác, cho nên nói “vào vị chư Phật”. Như thế, được giác ngộ cùng Phật giác ngộ đồng. Cho nên nói “vị đồng bậc Đại giác rồi, mới thật là con Phật”. Từ tâm thanh tịnh sanh trí, trí thanh tịnh gọi là con chư Phật, cũng gọi là thật con Phật.

Hỏi: Nói Phật với Pháp, là Phật có trước hay Pháp có trước? Nếu Pháp có trước thì Pháp ấy do Phật nào nói? Nếu Phật có trước thì nương giáo pháp nào được thành đạo?

Đáp: Phật cũng có trước Pháp, cũng có sau Pháp.

Hỏi: Nhân đâu nói Phật, Pháp có trước sau?

Đáp: Nếu căn cứ Pháp tịch diệt mà nói thì Pháp trước Phật sau. Nếu căn cứ Pháp văn tự mà nói thì Phật trước Pháp sau. Vì cớ sao? Vì tất cả chư Phật đều nhân nơi Pháp tịch diệt mà được thành Phật, tức là Pháp trước Phật sau. Kinh nói: “Làm thầy chư Phật, ấy là Pháp vậy.” Sau khi thành đạo rồi, Phật mới nói rộng mười hai bộ kinh dẫn dắt giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nương nơi pháp Phật giáo hóa tu hành được thành Phật, ấy là Phật trước Pháp sau.

Hỏi: Thế nào là thuyết thông tông chẳng thông?

Đáp: Nói và làm trái nhau, tức là thuyết thông tông chẳng thông.

Hỏi: Thế nào là tông thông thuyết cũng thông?

Đáp: Nói và làm không sai biệt, tức là thuyết thông tông cũng thông.

Hỏi: Kinh nói “Pháp đến chẳng đến, chẳng đến đến” là thế nào?

Đáp: Nói đến mà làm chẳng đến, gọi là đến chẳng đến. Làm đến mà nói chẳng đến, gọi là chẳng đến đến. Làm nói đều đến, gọi là đến đến.

Hỏi: Phật pháp chẳng hết hữu vi, chẳng trụ vô vi. Thế nào là chẳng hết hữu vi? Thế nào là chẳng trụ vô vi?

Đáp: Chẳng hết hữu vi là từ mới phát tâm cho đến ở dưới cội bồ-đề thành Đẳng chánh giác, sau đến Song lâm vào Niết-bàn, trong khoảng giữa đó tất cả pháp đều không bỏ. Ấy là chẳng hết hữu vi.

Chẳng trụ vô vi là tuy tu vô niệm mà chẳng dùng vô niệm làm chỗ chứng. Tuy tu Không mà chẳng lấy Không làm chỗ chứng. Tuy tu Bồ-đề Niết-bàn vô tướng vô tác, mà chẳng dùng vô tướng vô tác làm chỗ chứng. Ấy là chẳng trụ vô vi.

Hỏi: Có địa ngục hay không có địa ngục?

Đáp: Cũng có cũng không.

Hỏi: Tại sao cũng có cũng không?

Đáp: Vì tùy tâm tạo tất cả nghiệp ác thì có địa ngục. Nếu tâm không nhiễm, vì tự tánh Không thì không địa ngục.

Hỏi: Chúng sanh chịu tội có Phật tánh chăng?

Đáp: Cũng đồng Phật tánh.

Hỏi: Đã có Phật tánh thì chính khi vào địa ngục Phật tánh đồng vào chăng?

Đáp: Chẳng đồng vào.

Hỏi: Vậy chính khi chúng sanh vào địa ngục Phật tánh ở chỗ nào?

Đáp: Cũng đồng vào.

Hỏi: Đã đồng vào thì khi chúng sanh chịu tội Phật tánh cũng đồng chịu tội chăng?

Đáp: Phật tánh tuy theo chúng sanh đồng vào, mà chúng sanh chịu tội khổ, Phật tánh xưa nay vẫn không chịu.

Hỏi: Đã đồng vào nhân đâu chẳng chịu?

Đáp: Chúng sanh là có tướng, có tướng thì có thành hoại, Phật tánh là không tướng, không tướng thì tánh Không. Thế nên, tánh chân không không có hoại. Ví như có người chất củi trong hư không, củi lâu ngày bị mục, hư không chẳng mục. Hư không dụ Phật tánh, củi dụ chúng sanh. Vì thế, nói đồng vào mà không đồng chịu.

Hỏi: Chuyển tám thức thành bốn trí, rút bốn trí thành ba thân, vậy mấy thức chung thành một trí, mấy thức riêng thành một trí?

Đáp: Mắt tai mũi lưỡi thân, năm thức này chung thành Thành sở tác trí. Ý thức thứ sáu riêng thành Diệu quan sát trí. Tâm thức thứ bảy riêng thành Bình đẳng tánh trí. Thức hàm tàng thứ tám riêng thành Đại viên cảnh trí.

Hỏi: Bốn trí này là khác hay đồng?

Đáp: Thể đồng mà tên khác.

Hỏi: Thể đã đồng tại sao tên khác?

Đáp: Vì tùy sự đặt tên.²

Hỏi: Đã tùy sự đặt tên thì khi một thể, cái gì là Đại viên cảnh trí?

Đáp: Yên tịnh không lặng tròn sáng chẳng động là Đại viên cảnh trí. Đối các trần không khởi yêu ghét tức là hai tánh Không, hai tánh Không là Bình đẳng tánh trí. Hay vào cảnh giới các căn

² Câu đáp này trong bản văn thiếu, dịch giả thêm cho đủ nghĩa.

(mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) khéo phân biệt mà chẳng khởi loạn tưởng, được tự tại là Diệu quan sát trí. Hay khiến các căn tùy sự ứng dụng, thả vào chánh định, không có hai tướng là Thành sở tác trí.

Hỏi: Rút bốn trí làm ba thân, bao nhiêu trí chung làm một thân, bao nhiêu trí riêng làm một thân?

Đáp: Đại viên cảnh trí riêng thành Pháp thân. Bình đẳng tánh trí riêng làm Báo thân. Diệu quan sát trí cùng Thành sở tác trí chung làm Hóa thân. Ba thân này cũng giả lập tên để phân biệt, cốt cho người chưa hiểu xem. Nếu người liễu đạt lý này cũng không có ba thân ứng dụng. Vì sao? Vì thể tánh không tướng, từ gốc không trụ mà lập, cũng không có gốc không trụ.

Hỏi: Thế nào là thấy chân thân Phật?

Đáp: Chẳng thấy có không là thấy chân thân Phật.

Hỏi: Thế nào là chẳng thấy có không là thấy chân thân Phật?

Đáp: Có nương nơi không mà lập, không nương nơi có mà hiển bày, vốn chẳng lập có thì không đâu còn. Đã chẳng còn không thì có từ đâu mà có. Có với không làm nhân cho nhau mà có. Đã làm nhân cho nhau mà có thì thấy đều sanh diệt. Chỉ là hai cái thấy này, tức là thấy chân thân Phật.

Hỏi: Có Không còn không thể được, hướng là dựng lập chân thân, thì căn cứ vào đâu mà lập?

Đáp: Vì có hỏi nên lập. Nếu khi không hỏi thì tên chân thân cũng không thể lập. Vì sao? Ví như gương sáng nếu khi đối vật tượng tức hiện hình tượng, nếu khi chẳng đối vật tượng trọn chẳng thấy hình tượng.

Hỏi: Thế nào là thường chẳng rời Phật?

Đáp: Tâm không khởi diệt, đối cảnh vắng lặng, trong tất cả thời cứu cánh không tịch, tức là thường chẳng rời Phật.

Hỏi: Thế nào là pháp vô vi?

Đáp: Là hữu vi vậy.

Hỏi: Nay hỏi pháp vô vi, nhân sao đáp hữu vi?

Đáp: Hữu nhân vô mà lập, vô nhân hữu mà hiển. Vốn chẳng lập hữu thì vô từ đâu mà sanh. Nếu luận về chân vô vi là chẳng chấp hữu vi cũng chẳng chấp vô vi, ấy là pháp chân vô vi. Vì có sao? Kinh nói: “Nếu chấp tướng pháp là chấp ngã nhân, nếu chấp tướng phi pháp là chấp ngã nhân. Thế nên, chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp” tức là được chân pháp vậy. Nếu thấu rõ được lý này là chân giải thoát, là hội được pháp môn bất nhị.

Hỏi: Thế nào là nghĩa trung đạo?

Đáp: Nghĩa hai bên vậy.

Hỏi: Nay hỏi nghĩa trung đạo, tại sao đáp nghĩa hai bên?

Đáp: Hai bên nhân giữa mà lập, giữa nhân hai bên mà sanh. Trước nếu không có hai bên thì giữa từ đâu mà có? Nay nói giữa là nhân hai bên mà có. Cho nên biết, giữa cùng hai bên nhân nhau mà lập, thấy đều vô thường, sắc thọ tưởng hành thức cũng lại như thế.

Hỏi: Thế nào gọi là năm ấm?

Đáp: Đối sắc nhiễm sắc, theo sắc thọ sanh, gọi sắc ấm. Vì lãnh nạp vào trong tám gió (lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc), ưa nhóm họp những thứ tin tà, từ trong sự lãnh thọ mà sanh, gọi là thọ ấm. Mê tâm chấp tướng, theo tướng thọ sanh, gọi là tưởng ấm. Kết nhóm các hành, theo hành thọ sanh, gọi là hành ấm. Nơi thể bình đẳng vọng khởi phân biệt dính mắc, theo thức thọ sanh, gọi là thức ấm. Thế nên gọi là năm ấm.

Hỏi: Kinh nói “hai mươi lăm cõi”, thế nào là hai mươi lăm cõi?

Đáp: Là thọ thân đời sau vậy. Thân đời sau là thọ sanh trong sáu đường. Vì chúng sanh hiện đời tâm mê ưa kết các nghiệp, sau ắt theo nghiệp thọ sanh, cho nên nói đời sau. Ở đời nếu có người chí tâm tu hành được cứu cánh giải thoát, chứng vô sanh pháp

nhân, hằng là tam giới chẳng thọ thân sau. Người không thọ thân sau là chứng pháp thân. Pháp thân tức là thân Phật.

Hỏi: Tên hai mươi lăm cõi làm sao phân biệt?

Đáp: Bản thể là một, vì tùy dụng đặt tên nên có rõ ràng hai mươi lăm cõi. Hai mươi lăm cõi là mười điều ác, mười điều lành và năm ấm.

Hỏi: Thế nào là mười điều ác, mười điều lành?

Đáp: Mười điều ác là: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói hung ác và tham, sân, tà kiến. Mười điều lành là ngược lại chẳng làm mười điều ác trên.

Hỏi: Trước nói vô niệm mà tôi chưa thông tột?

Đáp: Vô niệm là ở tất cả chỗ mà không tâm, không tất cả cảnh, không có những nghĩ cầu, đối các cảnh sắc hằng không khởi động. Được vô niệm gọi là chân niệm. Nếu dùng niệm khởi nghĩ làm niệm là tà niệm, chẳng phai chánh niệm. Vì sao? Kinh nói: “Nếu dạy người lục niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên) gọi là phi niệm.” Có lục niệm gọi là tà niệm. Không lục niệm gọi là chân niệm. Kinh nói: “Này thiện nam! Chúng ta trụ trong pháp vô niệm được sắc vàng ba mươi hai tướng như thế, phóng hào quang lớn soi khắp các thế giới, công đức không thể nghĩ bàn, Phật còn nói chẳng hết, huống là các thừa mà có thể biết.”

Người được vô niệm, sáu căn không nhiễm, tự nhiên được vào tri kiến chư Phật. Được như thế, gọi là Phật tạng cũng gọi là Pháp tạng hay bao gồm tất cả Phật, tất cả Pháp. Vì cơ sao? Vì vô niệm vậy. Kinh nói: “Tất cả chư Phật đều từ Kinh này xuất sanh.”

Hỏi: Đã bảo vô niệm thì câu “Vào tri kiến Phật” từ đâu mà lập?

Đáp: Từ vô niệm lập. Vì sao? Kinh nói: “Từ gốc vô trụ lập tất cả Pháp.” Lại nói: “Ví như gương sáng, trong gương tuy không hình tượng mà hay hiện muôn vàn hình tượng. Vì sao? Vì gương

sáng nên hay hiện muôn vàn hình tượng.” Người học đạo do tâm không nhiễm nên vọng niệm chẳng sanh, tâm ngã nhân diệt, cứu cánh thanh tịnh, vì thanh tịnh hay sanh tri kiến vô lượng.

Hỏi: Thế nào là đốn ngộ?³

Đáp: Đốn ngộ là ngay trong đời này được giải thoát. Làm sao mà biết? Ví như sư tử con, khi mới lọt lòng mẹ quả nhiên là sư tử. Người tu đốn ngộ cũng như thế, ngay khi tu liền vào vị Phật. Như tre mùa xuân sanh măng, cũng ngay trong mùa xuân măng bằng tre, đồng không có khác. Vì có sao? Vì trong ruột trống. Người tu đốn ngộ cũng như thế. Vì chóng trừ vọng niệm hằng dứt ngã nhân, cứu cánh không tịch, cùng Phật bằng nhau, đồng không có khác. Cho nên nói “Ngay nơi phàm là thánh”. Người tu đốn ngộ chẳng rời thân này liền vượt tam giới. Kinh nói: “Chẳng hoại thế gian mà vượt khỏi thế gian, chẳng xả phiền não mà vào Niết-bàn.” **Hỏi:** Người không tu đốn ngộ thì thế nào?

Đáp: Người không tu đốn ngộ, ví như dã can nhập bầy sư tử, trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng được thành sư tử.

Hỏi: Tánh chân như là thật không hay thật chẳng không? Nếu nói chẳng không tức là có tướng. Nếu nói không tức là đoạn diệt. Tất cả chúng sanh phải nương vào đâu tu hành để được giải thoát?

Đáp: Tánh chân như cũng không cũng chẳng không. Vì sao? Vì diệu thể chân như không hình không tướng không thể được, nên nói cũng không. Song trong thể Không vô tướng đầy đủ diệu dụng hằng sa, không việc gì chẳng ứng hiện, nên nói cũng chẳng không. Kinh nói: “Hiểu một tức ngàn theo, mê một tức muôn lầm.” Nếu người giữ một thì muôn việc đều xong, ấy là diệu thuật ngộ đạo. Kinh nói: “Sum la và vạn tượng đều do một pháp ấn hiện.

3 Câu này trong văn không có, e bản chữ Hán sót, dịch giả thêm vào.

Thế nào trong một pháp mà sanh các thứ kiến? Vì công nghiệp như thế do hành làm gốc.”

Nếu người chẳng chịu hàng phục tâm, y cứ văn nghĩa mà cho là chứng ngộ thì không thể có. Người chấp như thế là dối mình dối người, mình người đều đọa. Phải cố gắng! Cố gắng! Xét nét kỹ càng. Chỉ việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm, người được như thế, liền vào Niết-bàn, chứng vô sanh pháp nhẫn, cũng gọi là pháp môn bất nhị, cũng gọi vô tránh, cũng gọi Nhất hạnh tam-muội. Vì có sao? Vì cứu cánh thanh tịnh, không ngã không nhân, chẳng khởi thương ghét, là hai tánh không, là không có chỗ thấy, tức là hoàn tất cái chân như vô đắc.

Quyển luận này chẳng truyền cho người không tin, chỉ truyền cho người đồng kiến đồng hạnh. Phải xem xét người đối trước có tâm thành tín, kham lãnh thọ không lui sụt, người như thế mới nên vì họ mà nói, chỉ dạy khiến cho họ được ngộ. Tôi làm quyển luận này là vì người hữu duyên, chẳng phải cầu danh lợi.

Chư Phật nói ra ngàn kinh muôn luận, chỉ vì chúng sanh mê muội, tâm hạnh chẳng đồng, tùy chỗ tà chấp của họ mà nói pháp đối trị, nên có sai biệt. Nếu luận về lý giải thoát cứu cánh chỉ là việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm, hằng lặng lẽ như không, cứu cánh thanh tịnh tự nhiên giải thoát.

Ông chớ cầu hư danh miệng nói chân như, mà tâm tự khởi vọng, tức lời nói việc làm trái nhau, gọi là dối mình, sẽ sa vào đường ác. Chớ cầu cái khoái lạc hư danh nhất thời, mà chẳng biết nhiều kiếp phải chịu họa ương. Cố gắng! Cố gắng! Chúng sanh phải tự độ, Phật không thể độ được. Nếu Phật hay độ chúng sanh, thì chư Phật thời quá khứ số nhiều như cát bụi, lẽ ra tất cả chúng sanh đều được độ hết. Vì sao chúng ta đến ngày nay vẫn còn trôi lăn trong sanh tử, không được thành Phật? Thế nên biết, chúng sanh phải tự độ, Phật không thể độ được. Cố gắng! Cố gắng! Tự mình

lo tu hành, chớ ỷ lại vào sức Phật khác. Kinh nói: “Phàm người cầu pháp, chẳng chấp trước Phật mà cầu.”

Hỏi: Ở đời sau, có những nhóm tập học, làm sao cùng ở chung?

Đáp: Chỉ hòa ánh sáng kia, chẳng đồng nghiệp kia, đồng chỗ mà chẳng đồng ở. Kinh nói: “Tùy lưu (trôi theo) mà tánh thường vậy.” Người học đạo cần yếu phải nghĩ mình vì đại sự nhân duyên là việc giải thoát, thấy đều chẳng dám khinh người chưa học, kính người mình học như Phật, chẳng đề cao đức của mình, chẳng đổ kỳ điều hay của người, tự xét nét hạnh của mình, chẳng dòm dò lỗi của người, thì ở tất cả chỗ đều không bị chướng ngại, tự nhiên được khoái lạc.

Lặp lại kệ rằng:

Nhân nhục đạo thứ nhất,

Trước phải trừ ngã nhân, Việc đến không thọ nhận, Là thân chân Bồ-đề.

Kinh Kim Cang nói: “Người thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi là Bồ-tát chân thật.”

Lại nói: “Chẳng thủ lại chẳng xả, hằng đoạn được sanh tử, tất cả chỗ không tâm, gọi là con chư Phật.”

Kinh Niết-bàn nói: “Như Lai chứng Niết-bàn hằng đoạn dứt sanh tử.”

Kệ rằng:

Nay ta ý thật rất tốt,

Khi người chê mắng chẳng buồn,

Không lời chẳng nói phải quấy, Niết-bàn sanh tử đồng đường.

Hiếu thấu bản tông nhà mình,

Vẫn là không có xanh đen,

Tất cả vọng tưởng phân biệt, Vả biết người đời chẳng rõ.

Gửi lời phàm phu đời sau,

**Đẹp hết trong tâm rơm cỏ,
Nay ta ý rất thên thang,
Chẳng nói, không việc, tâm an.
Thong dong, tự tại, giải thoát,
Đông tây dời đổi dễ dàng, Trọn ngày không nói lặng yên,
Niệm niệm hưởng lý nghĩ xét.
Tự nhiên tiêu dao thấy đạo,
Sanh tử quyết chẳng liên quan,
Nay ta ý thật lạ kỳ,
Chẳng đến trên đời luống dối.
Vinh hoa thấy là giả tạm,
Áo rách cơm hẩm đủ no,
Đi đường gặp người biếng nói, Người đời đều gọi ta ngu.
Ngoài hiện ngu ngơ ám độn,
Trong tâm sáng tự lưu ly, Thâm hợp La-hầu mật hạnh,
Chẳng phải phạm phu kham biết.
Tôi e các ông chẳng hội thấu lý chân giải thoát nên lại chỉ bày
các ông.**

**Hỏi: Kinh Duy-ma nói: “Muốn được tịnh độ phải tịnh tâm ấy.”
Thế nào là tịnh tâm?**

Đáp: Dùng cái tịnh cứu cánh làm tịnh.

Hỏi: Thế nào là dùng cái tịnh cứu cánh làm tịnh?

Đáp: Không tịnh cũng không không tịnh, tức là tịnh cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là không tịnh cũng không không tịnh?

**Đáp: Tất cả chỗ không tâm là tịnh, khi được tịnh mà chẳng
khởi tưởng tịnh, gọi là không tịnh. Khi được không tịnh cũng
không được khởi tưởng không tịnh, gọi là không không tịnh.**

Hỏi: Người tu hành lấy cái gì làm chứng?

Đáp: Lấy cái chứng cứu cánh làm chứng.

Hỏi: Thế nào là cái chứng cứu cánh?

Đáp: Không chứng cũng không không chứng, gọi là chứng cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là không chứng và không không chứng?

Đáp: Ở ngoài không nhiễm sắc, thanh v.v... bên trong tâm không khởi vọng niệm, được như thế gọi là chứng. Khi được chứng mà không khởi tưởng chứng, gọi là không chứng. Khi được không chứng cũng không khởi tưởng không chứng, gọi là không không chứng.

Hỏi: Thế nào là tâm giải thoát?

Đáp: Không tâm giải thoát, cũng không không tâm giải thoát, gọi là chân giải thoát. Kinh nói: “Pháp còn phải xả hà huống phi pháp.” Pháp là có, phi pháp là không, chỉ chẳng chấp có không là chân giải thoát.

Hỏi: Thế nào đắc đạo?

Đáp: Dùng cái đắc cứu cánh làm đắc.

Hỏi: Thế nào là cái đắc cứu cánh?

Đáp: Không đắc cũng không không đắc, gọi là đắc cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là Không cứu cánh?

Đáp: Chẳng không cũng chẳng chẳng không gọi là Không cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là chân như định?

Đáp: Không định cũng không không định gọi là chân như định. Kinh nói: “Không có định pháp gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không định pháp Như Lai có thể nói.” Kinh nói: “Tuy tu Không mà chẳng lấy Không làm chứng, cũng

chẳng được khởi tưởng Không. Tuy tu Định mà chẳng lấy Định làm chứng, cũng chẳng được khởi tưởng Định. Tuy được Tĩnh mà chẳng lấy Tĩnh làm chứng, cũng chẳng được khởi tưởng Tĩnh.”

Nếu khi được định, được tịnh, được tất cả chỗ không tâm, liền khởi tưởng được như thế, đều là vọng tưởng, liền bị ràng buộc không thể nói là giải thoát. Nếu khi được như thế, rõ ràng tự biết, được tự tại, mà chẳng được cho thế là chứng, cũng chẳng được khởi tưởng như thế là được giải thoát. Kinh nói: “Nếu khởi tâm tinh tấn là vọng không phải tinh tấn.”

Hỏi: Thế nào là trung đạo?

Đáp: Không khoảng giữa cũng không hai bên là trung đạo.

Hỏi: Thế nào là hai bên?

Đáp: Có tâm kia, có tâm này là hai bên.

Hỏi: Thế nào là tâm kia tâm này?

Đáp: Bên ngoài dính với sắc thanh là tâm kia. Bên trong khởi vọng niệm là tâm này. Nếu bên ngoài không nhiễm sắc, gọi là không tâm kia. Bên trong không khởi vọng niệm, gọi là không tâm này. Thế nên không phải hai bên. Tâm đã không hai bên thì giữa cũng đâu có được. Được như thế gọi là trung đạo. Thật là Như Lai đạo.

Như Lai đạo là tất cả người giác được giải thoát. Kinh nói: “Hư không chẳng giữa chẳng hai bên, thân chư Phật cũng vậy.” Nhưng tất cả sắc không, là tất cả chỗ không tâm vậy. Tất cả chỗ không tâm tức tất cả sắc tánh không. Hai nghĩa chẳng khác, cũng gọi sắc không, cũng gọi pháp sắc không.

Nếu ông lìa “Tất cả chỗ không tâm” mà được Bồ-đề giải thoát, Niết-bàn tịch diệt, thiên định kiến tánh, thì không thể nào có. “Tất cả chỗ không tâm” tức là được Bồ-đề giải thoát, Niết-bàn tịch diệt, cho đến lục độ đều là chỗ kiến tánh. Vì cớ sao? Kinh Kim

Cang nói: “Không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Hỏi: Nếu có tu tất cả hạnh đầy đủ thành tựu, được thọ ký chăng?

Đáp: Chẳng được.

Hỏi: Nếu không tu tất cả pháp thành tựu, được thọ ký chăng?

Đáp: Chẳng được.

Hỏi: Nếu thế ấy, phải do pháp gì được thọ ký?

Đáp: Chẳng do có hành, cũng chẳng do không hành, là được thọ ký. Vì cớ sao? Kinh Duy-ma nói: “Các hạnh tánh tướng đều vô thường.” Kinh Niết-bàn nói: “Phật bảo Ca-diếp: Các hạnh là thường, không có lẽ phải.” Ông chỉ tất cả chỗ không tâm, là không có hạnh, cũng không không các hạnh, gọi là thọ ký.

Nói tất cả chỗ không tâm, là không tâm yêu ghét vậy. Nói không yêu ghét, là thấy việc tốt chẳng khởi tâm yêu, thấy việc xấu cũng chẳng sanh tâm ghét. Không yêu gọi là không tâm nhiễm, chính là sắc tánh không. Sắc tánh không tức là muôn duyên đều bật. Muôn duyên đều bật thì tự nhiên được giải thoát.

Ông phải xét kỹ đó, nếu khi chưa được tỉnh sáng thấu rõ, thì phải hỏi sớm chớ có bỏ qua. Các ông nếu y theo lời dạy đây tu, mà chẳng được giải thoát, tôi xin trọn đời thay các ông chịu tội trong đại địa ngục. Nếu tôi lừa dối các ông, sau này tôi sanh nơi nào sẽ bị sư tử, cọp, sói ăn thịt. Các ông nếu chẳng y theo lời dạy đây siêng năng tu hành thì không bảo đảm. Một phen mất thân này muôn kiếp khó được lại. Phải cố gắng! Cố gắng! Can phải tự biết.

NGŨ LỤC VẤN ĐÁP VÀ DẠY CHÚNG

Sư bảo học chúng:

- Tôi chẳng hội thiên, trọn không có một pháp có thể dạy người, không phiền các người đứng lâu, hãy tự đi đi!

Tuy vậy mà học chúng dần dần thêm đông, ngày đêm thưa hỏi. Sư bất đắc dĩ vì hỏi giải đáp, biện tài không ngại.

Có vài vị Pháp sư đến hỏi:

- Định hỏi một câu, Thầy có vui lòng đáp chẳng?

Sư bảo:

- Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.⁽⁴⁾

Hỏi: Thế nào là Phật?

Sư bảo: Hồ nước trong đối diện, chẳng phải

Phật là gì?⁽⁵⁾

Các vị ấy đều ngơ ngác, không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi:

- Thầy nói pháp gì độ người?

- Bản đạo chưa từng có một pháp độ người.

- Thiên sư sao tối như thế!

- Đại đức nói pháp gì độ người?

4. Thiên gia cho ngôn ngữ không thể nói đến chân lý, chỉ nương ngôn ngữ để thấy chân lý ngoài ngôn ngữ. Vì thế lời giải đáp như bóng mặt trăng hiện dưới đầm. Người muốn thấy mặt trăng thật, phải nương bóng mặt trăng ấy mà nhìn ngược lên trời thì mới thấy. Cố chấp bóng mặt trăng dưới đầm, thì suốt kiếp không khi nào thấy bóng mặt trăng thật.

5. Tâm thanh tịnh là Phật. Nếu đối cảnh mà tâm không sanh, chẳng phải Phật là gì? Vì thế, Sư bảo “Hồ nước trong đối diện”, tức là tâm đối cảnh chẳng động như hồ nước trong, khi ấy chẳng phải Phật là cái gì?

Thiên tông chỉ tâm là Phật, chẳng đi cầu Phật bên ngoài. Nếu đem tâm đi cầu Phật, ấy là vác Phật đi cầu Phật, không bao giờ thấy Phật.

- Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã.
- Giảng được bao nhiêu lần?
- Hơn hai mươi lần.
- Kinh này ai nói?

Pháp sư tăng hăng lên giọng gắt:

- Thiên sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?
- “Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy không hiểu nghĩa ta nói” (kinh Kim Cang). Nếu nói kinh này không phải Phật nói tức là phỉ báng kinh. Thỉnh Đại đức nói xem?

Pháp sư im lặng không đáp được.

Chốc lát, Sư lại hỏi:

- Kinh nói: “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.” Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai?

- Đến chỗ này tôi mê hẩn.

Sư bảo:

- Từ trước đến giờ chưa từng ngộ nói cái gì là mê?
- Thỉnh Thiên sư vì tôi nói.
- Đại đức giảng kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai?

Pháp sư lễ bái cầu xin chỉ dạy. Sư bảo: Như Lai là nghĩa Như của các pháp, đâu thể quên được.

- Phải là nghĩa Như của các pháp.
- Đại đức nói phải cũng chưa phải.
- Văn kinh rõ ràng đâu thể chưa phải?
- Đại đức Như chăng?
- Như.
- Cây đá Như chăng?

- Như.

- Đại đức Như, đồng cây đá Như chẳng?

- Không hai.

- Đại đức cùng cây đá đâu khác?

Pháp sư không đáp được. Lại khen:

- Đây là thượng nhân khó đối đáp được.

Giây lâu lại hỏi:

- Thế nào được đại Niết-bàn?

- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.

- Thế nào là nghiệp sanh tử?

- Cầu đại Niết-bàn là nghiệp sanh tử, bỏ nhơ lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.

Tăng lại hỏi: - Thế nào là được giải thoát?

Sư đáp: - Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng hành thẳng là Vô đẳng đẳng. (Phật không ai so bằng gọi là vô đẳng, chư Phật đồng nhau gọi là đẳng. Vô đẳng đẳng là chỉ cho Phật).

Pháp sư khen:

- Thiên sư như Hòa thượng thật là ít có.

Khen xong, Pháp sư lễ tạ lui ra.

Có vị cư sĩ đến hỏi:

- Tức tâm tức Phật, cái gì là Phật?

Sư bảo:

- Ông nghi cái gì không phải Phật chỉ ra xem?

Cư sĩ lặng thinh. Sư nói tiếp:

- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ thì hàng trái xa.

Có Luật sư hiệu Pháp Minh đến nói:

- Các Thiên sư phần nhiều rơi vào không.

Sư bảo:

- Trái lại, các Tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi:

- Tại sao rơi vào không?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không (duyên hợp không thể), dù là trên tiếng dựng lập danh, cú, văn thân đâu chẳng phải là không. Tọa chủ bám chặt vào giáo thể, đâu chẳng rơi vào không.

- Thiên sư rơi vào không chẳng?

- Chẳng rơi vào không.

- Sao lại chẳng rơi vào không?

- Văn tự v.v... đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không.

Pháp Minh bảo:

- Cho biết một pháp không đạt, chẳng gọi là “Tất-đạt”.

- Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh đổi sắc mặt hỏi:

- Lầm chỗ nào?

- Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn làm sao giảng thuyết?

- Thỉnh Thiên sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh.- Đâu chẳng biết “Tất-đạt” là tiếng Phạn sao?⁽⁶⁾

6. Tất-đạt là tiếng Phạn, nói đủ là Tất-bà-hạt-thích-tha-tất-đà. Trung Hoa dịch là Nhất thiết nghĩa thành. Xưa dịch âm Tất-đạt là sai, không đủ âm.

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi, mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi:

- Phàm Kinh, Luật, Luận là lời Phật, đọc tụng, y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh?

- Như chó điên đuổi hòn đất, sư tử cắn người. Kinh Luật Luận là tự tánh dụng, người đọc tụng là tánh pháp.

- Phật A-di-đà có cha mẹ và họ chăng?

- Phật A-di-đà họ Kiều-thi-ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan.

- Xuất phát từ kinh điển nào?

- Xuất phát từ tập Đà-la-ni.

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

Có vị Pháp sư thông tam tạng đến hỏi:

- Chân như có biến đổi chăng?

Sư đáp:

- Có biến đổi.

- Thiên sư lắm.

- Đại đức có chân như chăng?

- Có.

- Nếu không biến đổi quyết định là phàm tăng. Đâu chẳng nghe “Thiện tri thức hay chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí.” Chân như nếu không biến đổi, Đại đức thật là ngoại đạo, chủ trương tự nhiên vậy.

- Nếu vậy chân như tức có biến đổi?

- Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

- Thiên sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào thật đúng?

- Nếu người thấy tánh rõ ràng như hạt minh châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi.

Pháp sư khen:

- Nên biết Nam tông không thể lường.

Đồ đệ đạo Lão đến hỏi:

- Thế gian có pháp nào vượt hơn tự nhiên chẳng?

Sư đáp: - Có.

- Pháp gì hơn được?

- Hay biết tự nhiên vậy.

- Nguyên khí là Đạo chẳng?

- Nguyên khí tự nguyên khí, đạo tự đạo.

- Nếu như thế ắt phải có hai?

- Biết, không hai người.

- Thế nào là tà, thế nào là chánh?

- Tâm theo vật là tà, vật theo tâm là chánh.

Luật sư Nguyên đến hỏi:

- Hòa thượng tu có dụng công chẳng?

Sư đáp: - Dụng công.

- Dụng công thế nào?

- Khi đói thì ăn, khi mệt thì ngủ.

- Tất cả người đều như vậy, đồng chỗ dụng công của Thầy chẳng?

- Chẳng đồng.

- Tại sao chẳng đồng?

- Họ khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng; khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn chuyện, do đó chẳng đồng.

Luật sư im lặng.

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi:

- Thiên sư tự biết chỗ sanh chẳng?

Sư đáp:

- Chưa từng tử đâu cần luận sanh. Biết sanh tức là pháp không sanh, chẳng lìa pháp sanh nói pháp không sanh. Tổ sư nói: “Chính cái sanh tức không sanh.”

- Người không thấy tánh cũng được như vậy chẳng?

- Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh. Vì sao? Vì thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là Pháp tánh, cũng gọi là Pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói: “Nói là pháp tức tâm chúng sanh. Nếu tâm sanh nên tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh thì pháp không nương đâu sanh, cũng không danh tự.” Người mê chẳng biết Pháp thân không hình tượng, hay ứng vật hiện hình, bèn nói: “Trúc biếc xanh xanh đều là Pháp thân, hoa vàng mật mật thảo đều Bát-nhã”. (Thanh thanh thúy trúc tổng thị Pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát-nhã). Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình. Trúc biếc nếu là Pháp thân, Pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn măng tức ăn Pháp thân. Những lời nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

Đại đức lại hỏi:

- Hư không hay sanh linh tri chẳng? Chân tâm duyên thiện ác chẳng? Người tham dục là đạo chẳng? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng? Người xúc cảnh sanh tâm có định chẳng?

Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chẳng? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng? Người tâm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật, những người này hợp đạo chẳng? Thỉnh Thiên sư mỗi mỗi vì đáp.

- Hư không chẳng sanh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lăng xăng chưa thông, người xúc cảnh sanh tâm ít định, người yên lặng quên hết là tuệ chìm, người khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tâm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rốt ráo không thể có?

- Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không thể có.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ lui ra.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các người may mắn tự khéo giữ cái vô sự. Kẻ nhọc nhằn tạo tác là mang cùm sa ngục chứ gì?

Mỗi ngày từ sáng đến tối bốn ba nói: “Ta tham thiền học đạo, hiểu thấu Phật pháp”, như thế càng không dính dáng gì. Chỉ chạy theo thanh sắc biết bao giờ dứt?

Bần đạo xưa đến tham vấn Hòa thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa thượng dạy: “Kho báu nhà của người đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài.”

Bần đạo từ đây thấy thôi, của báu của mình tùy thân thọ dụng, có thể nói sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy một pháp có tướng sanh diệt, chẳng thấy một pháp có tướng qua lại, khắp mười phương thế giới không một hạt bụi nào mà chẳng phải của báu nhà mình.

Chỉ quan sát kỹ càng tâm mình một thể Tam bảo thường tự hiện trước, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm, tâm tánh xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu biết như thế, chư Phật thường hiện tiền.” Kinh Tịnh Danh nói: “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy.”

Nếu chẳng theo thanh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sanh hiểu, tự nhiên vô sự. Đi! Chớ đứng lâu. Trân trọng!

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán. Sư hỏi:

- Các người vì cớ sao ở đây mãi không đi? Bản đạo đã đổi diện trình nhau, lại chịu thôi chẳng? Có việc gì khả nghi, chớ lằm dưng tâm uống phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các người tùy ý thưa hỏi.

Có vị hiệu Pháp Uyên hỏi:

- Thế nào là Phật, thế nào là Pháp, thế nào là Tăng, thế nào là một thể Tam bảo? Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Tâm là Phật chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là Pháp chẳng cần đem pháp cầu pháp. Phật Pháp hòa hợp không hai là Tăng, tức là một thể Tam bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không khác.” Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp không thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Thí như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận, chỉ một tâm thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy, vô lậu hiện tiền, như rắn hóa thành rồng không doi vảy, chúng sanh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt. Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu thành, có chứng có tu tức đồng người tăng thượng mạn.

Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ dụng vô đẳng đẳng tức là A-nậu-bồ-đề (Vô thượng chánh giác). Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu. Không tướng tức là thật tướng pháp thân, thể - tánh - tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh

trang nghiêm tức là công đức pháp thân. Pháp thân này là gốc của vạn hóa, tùy chỗ đặt tên: trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng, hay sanh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng, đủ tất cả trí gọi là Trí tuệ tạng, muôn pháp về Như gọi là Như Lai tạng. Kinh nói: “Như Lai đó, tức nghĩa Như của các pháp.” Lại nói: “Tất cả pháp sanh diệt thế gian không có một pháp nào chẳng về Như.”

Có vị khách hỏi:

-Đệ tử chưa biết Luật sư, Pháp sư, Thiền sư vị nào hơn cả, cúi xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy?

Sư đáp:

- Luật sư là người mở pháp tạng Tỳ-ni (luật), truyền nề nếp làm mạng sống, thấu suốt Trì Phạm thông đạt Khai Giá, giữ oai nghi để làm mô phạm, phổ cáo ba phen yết-ma để làm nhân sơ khởi cho bốn quả (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán). Nếu chẳng phải là hàng trưởng lão đức dày thì đâu kham đảm trách.

Pháp sư là người ngồi tòa sư tử, biện luận thông như nước chảy, đối với nhiều người đông chúng soi thấu cội huyền, mở cửa Bát-nhã nhiệm mầu, bình đẳng bố thí tam luân không tịch. Nếu chẳng phải là hàng long tượng làm sao dám đảm đương.

Thiền sư là người nắm được then chốt của đạo, thấu suốt nguồn tâm, ra vào co duỗi, tung hoành tùy vật ứng hiện; sự lý thấy đồng, chóng thấy Như Lai, nhớ gốc sâu sanh tử, được tam-muội hiện tiền. Nếu chẳng phải người an thiền tịnh lực đến chỗ ấy thấy đều mờ昧.

Tùy căn cơ thọ lãnh pháp tu, ba môn học tuy khác mà được ý quên lời thì đồng Nhất thừa đâu sai biệt. Cho nên kinh nói: “Trong cõi Phật ở mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện noi, chỉ tạm mượn danh tự, để dẫn đường cho chúng sanh.” (Kinh Pháp Hoa).

Khách thưa:

- Hòa thượng thâm đạt ý chỉ của Phật, được biện tài vô ngại.

Lại hỏi thêm:

- Tam giáo Nho, Đạo, Thích là đồng hay khác?

Sư đáp:

- Người đại lượng dùng đó thì đồng. Kẻ tiểu cơ cố chấp thì khác. Thấy đều từ trên một tánh khởi dụng, tùy căn cơ thấy sai biệt thành ba, mê ngộ do người, chẳng phải tại giáo đồng hay khác.

Pháp sư Đạo Quang chuyên giảng Duy thức đến hỏi:

- Thiền sư dùng tâm nào tu đạo?

Sư đáp:

- Lão tăng không tâm có thể dùng, không đạo có thể tu.

- Đã không tâm có thể dùng, không đạo có thể tu, tại sao mỗi ngày họp chúng khuyên người học thiền tu đạo?

- Lão tăng còn không có chút đất cắm dùi thì chỗ nào họp chúng lại. Lão tăng còn không có lưỡi thì đâu từng khuyên dạy người.

- Thiền sư đối diện mà nói dối.

- Lão tăng còn không có lưỡi khuyên người thì đâu biết nói dối.

- Thật tôi không hiểu lời luận nghị của Thiền sư.

- Lão tăng tự cũng chẳng hội.

Pháp sư Chí chuyên giảng kinh Hoa Nghiêm đến hỏi:

- Tại sao chẳng nhận “Trúc biếc xanh xanh đồng là Pháp thân, hoa vàng mật mật thấy đều Bát-nhã”?

Sư đáp:

-Pháp thân không tướng, ứng hiện trong trúc biếc thành hình, Bát-nhã vô tri đối với hoa vàng mà hiển tướng, chẳng phải trúc biếc hoa vàng kia có pháp thân Bát-nhã. Kinh nói: “Chân pháp thân của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng trong nước.” Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình. Trúc biếc nếu là pháp thân, trúc biếc lại hay ứng dụng. Tọa chủ hội chẳng?

Chẳng rõ ý này.

Nếu người thấy tánh nói phải cũng được, nói chẳng phải cũng được, tùy dụng mà nói, chẳng kẹt phải quấy. Nếu người chẳng thấy tánh nói trúc biếc thì chấp trúc biếc, nói hoa vàng thì chấp hoa vàng, nói Pháp thân thì kẹt Pháp thân, nói Bát-nhã mà chẳng biết Bát-nhã. Do đó mà trở thành tranh luận.

Pháp sư Chí lễ tạ lui ra.

Có người hỏi:

-Đem tâm tu hành bao lâu được giải thoát?

Sư đáp:

-Đem tâm tu hành ví như lấy bùn lỏng rửa nhờn. Bát-nhã huyền diệu vốn tự không sanh, đại dụng hiện tiền chẳng luận thời tiết.

Hỏi: Phàm phu cũng được như thế chẳng?

Đáp: Người thấy tánh thì chẳng phải phàm phu, đốn ngộ thượng thừa thì đã siêu phàm vượt thánh. Người mê luận phàm bàn thánh, người ngộ siêu vượt sanh tử Niết-bàn, người mê nói sự nói lý, người ngộ đại dụng cùng khắp. Người mê cầu đắc cầu chứng, người ngộ không đắc không cầu. Người mê hẹn kiếp xa sẽ chứng, người ngộ chóng thấy liền.

Pháp sư giảng kinh Duy-ma đến hỏi:

- Kinh nói: “Lục sư ngoại đạo kia v.v... là thầy của người, nhân kia xuất gia, thầy kia bị đạo người cũng theo đó mà đạo. Người

thí cho người chẳng gọi phước điền, cúng dường cho người đọa trong ba đường ác. Chê Phật, hủy Pháp, chẳng vào số chúng, trọn chẳng được diệt độ. Người nếu như thế mới nên nhận thức ăn.”
Thỉnh Thiên sư vì giải thích.

Sư đáp:

- Người mê chạy theo sáu căn gọi là Lục sư, ngoài tâm cầu Phật gọi là ngoại đạo, thấy có vật để thí chẳng gọi phước điền, sanh tâm nhận cúng dường đọa ba đường ác. Người nếu hay chê bai Phật là chẳng đấm cầu Phật, hủy báng Pháp là chẳng đấm cầu Pháp, chẳng vào số chúng là chẳng đấm cầu Tăng, trọn chẳng được diệt độ là trí dụng hiện tiền. Nếu có người hay hiểu được như thế liền được thức ăn thiên duyệt pháp hỷ.

Có vị cư sĩ đến hỏi:

- Có người hỏi Phật đáp Phật, hỏi Pháp đáp Pháp, bảo là pháp môn một chữ, chẳng biết phải chăng?

Sư đáp:

- Như chim anh vũ học nói tiếng người, tự nói chẳng dặng, vì không trí tuệ. Ví như đem nước rửa nước, đem lửa đốt lửa, trọn không có nghĩa lý gì.

Có người hỏi:

- Ngôn với ngữ là đồng hay khác?

Sư đáp:

- Là một. Bởi vì lời nói (ngôn) thành câu gọi là ngữ. Vả như biện luận thao thao ví tự như nước chảy trong sông lớn, lời hay chồng chập như hạt châu nghiêng để trong đồ tròn, mở rộng tên vạn tượng như nước chảy, chia chẻ nghĩa nhiều như biển cả, đó là ngữ vậy. Ngôn là một chữ hiện bày của tâm. Ở trong chứa huyền vi, bên ngoài hiện diệu tướng, muôn việc khuấy rối mà chẳng loạn, trong đục lẫn lộn mà thường phân biệt. Vua Tề vẫn

còn ho thẹn lời của Đại phu, Bồ-tát Văn-thù còn khen ngợi câu nói của Tịnh Danh, thì người thường làm sao hiểu nổi.

Luật sư Nguyên đến hỏi:

- Thiên sư thường nói: “Tức tâm là Phật”, không hợp lý. Vả lại, Bồ-tát Nhất địa phân thân ở trăm thế giới chư Phật, Nhị địa tăng lên gấp mười. Thiên sư thử hiện thân thông xem?

Sư đáp:

- Chính mình Xà-lê là phàm hay thánh?

- Là phàm.

- Đã là phàm tăng sao lại hỏi cảnh giới như thế? Kinh nói: “Nhân giả tâm có cao thấp, chẳng y nơi trí tuệ Phật”, đây là thế.

- Thiên sư mỗi ngày bảo: “Nếu ngộ đạo thì thân hiện tiền liền được giải thoát”, cũng không hợp lý.

- Có người trọn đời làm lành, bỗng nhiên ăn cắp đồ người cầm trong tay, ngay khi ấy thân này phải thân kẻ cắp chăng?

- Phải.

- Hiện nay thấy tánh rõ ràng, tại sao không được giải thoát?

- Đời nay hẵn không được, phải trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp (ba vô số kiếp) mới được.

- A-tăng-kỳ kiếp lại có số chăng?

Nguyên lên giọng bảo:

- Dem kẻ cắp so với giải thoát, được thông đạo lý chăng?

Sư đáp:

- Xà-lê tự chẳng hiểu đạo, không thể chứng tất cả người hiểu, con mắt mình chẳng mở, không thể chứng tất cả người thấy vật.

Nguyên đổi sắc vừa đi vừa nói:

- Lão già hỗn tạp vô đạo.

Sư bảo:

- Chính đường đi đó là đạo của ông.

Pháp sư Tuệ chuyên giảng Chỉ Quán đến hỏi:

- Thiên sư biện biệt được ma chẳng?

Sư bảo:

- Khởi tâm là thiên ma, chẳng khởi tâm là ám ma, hoặc khởi chẳng khởi là phiền não ma. Trong chánh pháp ta không có việc như thế.

- Nhất tâm tam quán, nghĩa thế nào?

- Tâm quá khứ thì đã qua, tâm vị lai thì chưa đến, tâm hiện tại thì không trụ, ở trong đó lại dùng tâm nào để quán?

- Thiên sư chẳng hiểu Chỉ Quán.

- Tọa chủ hiểu chẳng?

- Hiểu.

- Như Trí Giả đại sư nói Chỉ để phá Chỉ, nói Quán để phá Quán, trụ Chỉ thì chìm trong sanh tử, trụ Quán thì tâm thần loạn. Thế là, phải đem tâm chỉ tâm, hay khởi tâm quán để quán? Nếu có tâm quán là pháp thường kiến, nếu không tâm quán là pháp đoạn kiến, cũng có cũng không là pháp nhị kiến. Thỉnh Tọa chủ xét kỹ nói xem?

- Nếu hỏi như thế đều không thể nói được.

- Vậy thì đâu từng Chỉ Quán.

Có người hỏi:

- Bát-nhã lớn chẳng?

Sư đáp:

- Lớn.

- Lớn bằng chừng nào?

- Không có ngần mé.

- Bát-nhã nhỏ chẳng?

- Nhỏ.

- Nhỏ bằng chừng nào?

- Xem chẳng thấy.

- Chỗ nào là Bát-nhã?

- Chỗ nào chẳng phải Bát-nhã?

Pháp sư giảng kinh Duy-ma hỏi:

- Chư Bồ-tát mỗi vị nhập pháp môn Bát nhĩ, ngài Duy-ma lặng thinh là cứu cánh chăng?

Sư đáp:

- Chưa phải cứu cánh. Thánh ý nếu tột thì đến quyền ba lại nói việc gì?

Pháp sư im lặng giây lát, thưa:

- Thỉnh Thiên sư vì tôi nói ý chưa cứu cánh.

Sư bảo:

- Căn cứ trong kinh thì quyền nhất là “dẫn chúng gọi mười vị đại đệ tử trụ tâm”. Quyền hai là “chư Bồ-tát mỗi vị nói nhập pháp môn Bát nhĩ, dùng lời nói để hiển bày không lời; ngài Văn-thù dùng không lời để hiển bày không lời; ngài Duy-ma chẳng dùng lời chẳng dùng không lời, cho nên lặng thinh để thâm ngôn ngữ ở trước”. Quyền ba là “từ chỗ lặng thinh khởi nói, lại hiển thân thông tác dụng”. Tọa chủ hội chẳng?

- Thật là kỳ quái, đúng thế!

- Cũng chưa đúng thế.

- Tại sao chưa đúng thế?

- Vả lại, vì để phá tình chấp của người nên nói như thế. Nếu y cứ ý kinh thì chỉ nói sắc tâm không tịch khiến người thấy bản tánh, dạy bỏ hạnh giả vào hạnh thật, chớ nhằm trên ngôn ngữ giấy mực mà thảo luận suy tính, cốt hội được hai chữ Tịnh Danh là đủ. Tịnh là bản thể. Danh là tích dụng. Từ bản thể khởi tích

dụng, từ tích dụng trở về bản thể. Thể và dụng không hai. Bản (xưa) và tích (nay) không khác. Do đó, cổ nhân nói: “Bản tích tuy khác, chẳng nghĩ bản là một vậy. Một cũng chẳng phải một.” Nếu hiểu hai chữ Tịnh Danh là giả hiệu, lại nói cái gì cứu cánh cùng chẳng cứu cánh?

Không trước không sau, chẳng phải gốc chẳng phải ngọn, chẳng phải Tịnh chẳng phải Danh, vì chỉ bày cho chúng sanh bản tánh bất tư nghi giải thoát. Nếu người không thấy tánh, trọn đời chẳng thấy được lý này.

Có vị tăng hỏi:

- Muôn pháp trọn không, thức tánh cũng vậy. Ví như bong bóng nước một khi tan thì không hợp lại. Thân này chết chẳng sanh trở lại tức là rỗng không thì chỗ nào mà có thức tánh?

Sư đáp:

- Bong bóng nhân nước mà có, bong bóng tan đâu thể không nước. Thân nhân tánh mà có, thân chết đâu thể nói tánh diệt.

- Đã nói có tánh, thử đem ra xem?- Ông tin có ngày hôm qua chăng?

- Tin.

- Ông đem ngày hôm qua đến xem?

- Ngày hôm qua thật là có, nhưng mà hiện giờ không thể đem đến được.

- Ngày hôm qua không thể đem đến được, chẳng phải không ngày hôm qua, ông tự không thấy tánh, chẳng phải không có tánh. Nay thấy mặc y, ăn cơm, đi đứng ngồi nằm đối diện mà chẳng biết, đáng gọi là ngu mê. Ông muốn thấy ngày hôm qua thì cùng ngày nay chẳng khác. Đem tánh đi tìm tánh muôn kiếp trọn chẳng thấy, cũng như có người chẳng thấy mặt trời, chẳng phải mặt trời không có.

Pháp sư chuyên giảng Thanh Long sơ đến hỏi:

- Kinh nói: “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp.” Thiền sư thể hội như thế nào?

Sư đáp:

- Vì thể Bát-nhã cứu cánh thanh tịnh, không có một vật có thể được, ấy gọi là “không pháp”. Ở trong thể không tịch của Bát-nhã đủ diệu dụng như hà sa, là không việc gì chẳng biết, ấy gọi là “nói pháp”. Cho nên nói: “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp.”

Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm hỏi:

- Thiền sư tin vô tình là Phật chăng?

Sư đáp:

- Chẳng tin. Nếu vô tình là Phật thì người sống chẳng bằng người chết, lửa chết chớ chết lẽ ra hơn người sống. Kinh nói: “Phật thân tức là pháp thân, từ giới định tuệ mà sanh, từ tam minh lục thông mà sanh, từ tất cả pháp lành mà sanh.” Nếu nói vô tình là Phật, Đại đức hiện giờ chột chết liền thành Phật rồi.

Có Pháp sư hỏi:

- Trì kinh Bát-nhã công đức rất nhiều, Thầy có tin chăng?

Sư đáp:

- Chẳng tin.

- Nếu vậy sự linh nghiệm truyền lại hơn mười quyển đều không thể tin sao?

- Người sống giữ hiếu tự có cảm ứng, không phải xương trắng hay có cảm ứng. Kinh là chữ giấy mực, chữ giấy mực tánh nó không, thì chỗ nào có linh nghiệm? Sự linh nghiệm tại người trì kinh dụng tâm nên thần thông cảm vật. Thử đem một quyển kinh để trên bàn không có người thọ trì, tự nó có linh nghiệm chăng?

Có vị tăng hỏi:

- Chưa biết tất cả danh tướng và pháp tướng, nói cùng với nín, thế nào thông hội liền không có trước sau?

Sư đáp:

- Khi một niệm khởi xưa nay không tướng không danh, làm sao được nói có trước sau? Chẳng rõ danh tướng vốn tịnh, vọng chấp có trước sau. Cổng danh tướng khóa, chẳng phải chìa khóa trí thì không thể mở. Hễ nói Trung đạo thì bệnh tại Trung đạo, nói hai bên thì bệnh tại hai bên. Chẳng biết hiện dụng là pháp thân vô đẳng đẳng (Phật). Mê ngộ được mất là pháp của người thường, tự khởi sanh diệt, chôn vùi chánh trí. Hoặc đoạn phiền não, hoặc cầu Bồ-đề đều là chối bỏ Bát-nhã.

Có người hỏi:

- Luật sư có sao chẳng tin thiên?

Sư đáp:

- Vì lý sâu kín khó hiển bày, danh tướng dễ giữ. Người không thấy tánh nên chẳng tin thiên. Nếu người thấy tánh gọi đó là Phật, người biết Phật mới hay tin vào, Phật chẳng xa người mà người xa Phật. Phật là tâm tạo, mà người mê căn cứ trong văn tự để tìm. Người ngộ nhầm nơi tâm mà giác, người mê tu nhân đợi quả, người ngộ thấu rõ tâm không tướng, người mê chấp vật giữ cái ngã làm mình. Người ngộ Bát-nhã ứng dụng hiện tiền, người ngu chấp không chấp có sanh kẹt. Người trí thấy tánh liễu tướng linh thông. Hàng càn tuệ (tuệ khô) biện luận mỗi miệng, bậc đại trí thấu suốt bản thể tâm an vui. Bồ-tát chạm vật soi tỏ, Thanh văn sợ cảnh làm mờ tâm. Người ngộ hằng ngày được vô sanh, người mê hiện tiền cách xa Phật.

Có người hỏi:

- Thế nào được thần thông?

Sư đáp:

- Thần tánh linh thông khắp giáp thế giới như cát bụi, núi sông đá vách qua lại không ngại, trong sát-na đi muôn dặm, qua lại không dấu vết, lửa không thể đốt, nước không thể chìm. Người

ngu tự không tâm trí muốn thân tứ đại này được bay trong hư không. Kinh nói: “Phàm phu chấp tướng tùy nghi vì họ nói: Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu; không tướng tức là tướng thật, tướng thật thì thể nó không, gọi là thân hư không vô biên, muôn hạnh trang nghiêm nên gọi là pháp thân công đức.” Chính pháp thân này là gốc của muôn hạnh, tùy công dụng đặt tên, nói thật chỉ có pháp thân thanh tịnh.

Có người hỏi:

- Kẻ nhất tâm tu hành thì nghiệp chướng đời quá khứ được tiêu diệt chăng?

Sư đáp:

- Người không thấy tánh chưa được tiêu diệt. Nếu người thấy tánh như mặt trời giọi sương tuyết. Lại người thấy tánh, ví như gom cỏ bằng ngọn núi Tu-di chỉ dùng một đóm lửa là cháy rụi. Nghiệp chướng như cỏ, trí tuệ như lửa.

- Thế nào biết được nghiệp chướng hết?

- Hiện tiền tâm thông thì việc sanh trước sau đều thông. Ví như nhìn thấy Phật trước Phật sau, muôn pháp đồng thời. Kinh nói: “Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng vì thành tựu Nhất thiết trí.”

Có vị cư sĩ hỏi:

- Thế nào được trụ chánh pháp?

Sư đáp:

- Cầu trụ chánh pháp là tà. Vì cơ sao? Vì pháp không có tà chánh.

- Làm sao được thành Phật?

- Chẳng cần bỏ tâm chúng sanh, cốt đừng ô nhiễm tánh mình. Kinh nói: “Tâm, Phật và chúng sanh cả ba đều không sai biệt.”

- Nếu hiểu như thế được giải thoát chăng?

- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải. Pháp vượt ngoài ngôn ngữ văn tự, chẳng dùng trong câu số mà câu; pháp chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai, không thể do trong nhân quả mà kế hội; pháp vượt tất cả, không thể so sánh; pháp thân không hình tượng, ứng vật hiện hình, chẳng rời thế gian mà cầu giải thoát.

Có vị tăng hỏi:

- Cái gì là Bát-nhã?

- Người nghi cái gì không phải Bát-nhã, thử nói xem?

- Thế nào được thấy tánh?

- Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy.

- Thế nào là tu hành?

- Cốt đừng ô nhiễm tự tánh tức là tu hành, chớ tự lừa dối là tu hành, đại dụng hiện tiền tức là pháp thân vô đẳng đẳng (Phật).

- Trong tánh có ác chẳng?

- Trong đây thiện còn chẳng lập.

- Thiện ác đều chẳng lập, đem tâm dùng vào chỗ nào?

- Đem tâm dùng tâm là đại điên đảo.

- Làm thế nào mới phải?

- Không làm thế nào, cũng không phải.

Có người hỏi:

- Có người chèo thuyền, lườn thuyền cọ chết con ốc con hến, là người chịu tội hay thuyền chịu tội?

Sư đáp:

- Người thuyền cả hai đều không tâm, tội chính tại ông. Ví như cuồng phong thổi gãy cây hại mạng, mà không có người làm, không có người chịu, nhưng trong thế giới đâu không phải là chỗ chúng sanh chịu khổ.

Có vị tăng hỏi:

- Chưa biết “thế thác tình” (gửi tình), “thế chỉ cảnh”, “thế nói nín”, cho đến “thế nhường mây chớp mắt” v.v... làm sao được thông hội ở trong khoảng một niệm?

Sư đáp:

- Không có việc ngoài tánh. Người dụng diệu thì động yên đều diệu. Người tâm chân thì nói nín thấy chân. Người hội đạo thì đi đứng ngồi nằm đều là đạo. Vì mê tự tánh nên muôn lần phát sanh.

- Thế nào là pháp có tông chỉ?

- Tùy chỗ kia lập liền có các nghĩa. Ngài Văn-thù nơi gốc vô trụ lập tất cả pháp.

- Chẳng đồng thái hư chẳng?

- Người sợ đồng thái hư chẳng?

- Sợ.

- Cái biết sợ là chẳng đồng thái hư.

- Chỗ nói không thể đến, làm sao được hiểu?

- Nay chính khi người nói, nghi chỗ nào chẳng đến.

Có hơn mười vị Túc đức đồng đến hỏi:

- Kinh nói “Phá diệt Phật pháp”, chưa biết Phật pháp có thể phá diệt chẳng?

Sư đáp:

- Phàm phu ngoại đạo bảo Phật pháp có thể phá diệt, người Nhị thừa bảo Phật pháp không thể phá diệt, trong chánh pháp của tôi không có hai cái thấy này. Nếu luận về chánh pháp chẳng những phàm phu ngoại đạo, cho đến hàng Nhị thừa chưa đến vị Phật cũng là người ác.

- Pháp chân, pháp huyền, pháp không, pháp chẳng không, mỗi thứ có chủng tánh chẳng?

- Pháp tuy không có chủng tánh, ứng vật đều hiện. Tâm huyễn nên tất cả pháp đều huyễn, nếu có một pháp chẳng huyễn thì huyễn ắt có định. Tâm không, nên tất cả đều không, nếu có một pháp chẳng không thì nghĩa không chang lập. Khi mê thì người theo pháp, lúc ngộ thì pháp do người. Như sum la vạn tượng đến không là tốt, trăm sông các dòng đến biển là tốt. Tất cả hiện thánh đến Phật là tốt.

Mười hai phần kinh, năm bộ Tỳ-ni (luật), năm Vi-đà luận đến tâm là tốt. Tâm là gốc diệu của tổng trì, là nguồn lớn của muôn pháp, cũng gọi là kho đại trí tuệ, vô trụ Niết-bàn, trăm ngàn muôn tên thay là tên khác của tâm mà thôi.

- Thế nào là huyễn?

- Huyền không có tướng nhất định, như vòng lửa quay, như thành Càn-thát-bà, như người gỗ bằng máy, như sóng năng, như hoa giữa hư không, đều không có pháp thật.

- Sao gọi là thấy đại huyễn?

- Tâm gọi là thấy đại huyễn. Thân là thành đại huyễn. Danh tướng là đồ ăn mặc của đại huyễn. Thế giới nhiều như cát bụi không có việc gì ngoài huyễn. Phạm phu chẳng biết huyễn, nơi nơi mê nghiệp huyễn. Thanh văn sợ cảnh huyễn, mờ tâm vào tịch diệt. Bồ-tát biết pháp huyễn, đạt thể huyễn, chẳng câu nệ tất cả danh tướng. Phật là thấy đại huyễn, xoay bánh xe pháp đại huyễn, thành Niết-bàn đại huyễn, chuyển sanh diệt huyễn, được chẳng sanh chẳng diệt, chuyển cõi ô uế như cát bụi thành pháp giới thanh tịnh.

Có vị tăng hỏi:

- Tại sao chẳng chịu tụng kinh, mà gọi là “khách ngữ” (kẻ học nói)?

Sư đáp:

- Như chim anh vũ chỉ học tiếng người mà không hiểu ý người. Kinh là truyền ý Phật, chẳng nhận được ý Phật mà chỉ tụng, ấy là người học ngữ. Do đó nên chẳng chịu tụng kinh.

- Không thể lìa văn tự ngôn ngữ mà riêng có ý?

- Người nói như thế cũng là học ngữ.

- Đồng là ngôn ngữ sao Thầy chẳng nhận lời tôi?

- Người hãy lắng nghe, trong kinh có đoạn văn rất rõ ràng: “Ta nói ra là nghĩa ngữ mà chẳng phải văn, chúng sanh nói ra là văn ngữ mà chẳng phải nghĩa, người được ý vượt ngoài lời, người ngộ lý vượt ngoài văn tự, pháp vượt ngôn ngữ văn tự, đâu thể nằm trên câu văn mà cầu.” Thế nên, người phát Bồ-đề thì được ý quên lời, ngộ lý mà lờ kinh, cũng như được cá quên nơm, được thỏ bỏ bẫy.

Có Pháp sư hỏi:

- Niệm Phật là “hữu tướng Đại thừa”, ý Thiền sư thế nào?

Sư đáp:

- Vô tướng vẫn chẳng phải Đại thừa, hướng là hữu tướng. Kinh nói: Phạm phu chấp tướng, tùy nghi vì họ nói.

- Nguyên sanh Tịnh độ, chưa biết thật có Tịnh độ chăng?

- Kinh nói: “Muốn được Tịnh độ phải tịnh tâm kia, tùy tâm kia tịnh tức Phật độ tịnh.” Nếu tâm thanh tịnh thì chính chỗ ở hiện giờ là Tịnh độ. Ví như sanh trong nhà Quốc vương, nhất định nối nghiệp Quốc vương. Phát tâm hướng Phật đạo là sanh nơi cõi Phật tịnh. Tâm kia nếu chẳng tịnh thì chính chỗ ở hiện giờ là uế độ. Tịnh và uế độ là tại tâm chẳng phải tại cõi nước.

- Mỗi ngày nghe nói đạo, chưa biết người nào hay thấy?

- Người có tuệ nhãn hay thấy.

- Rất thích Đại thừa làm sao học được?

- Ngộ là được, chẳng ngộ là chẳng được.

- Làm sao được ngộ?
- Phải quán kỹ.
- Giống vật gì?
- Giống không vật.
- Thế nào là rốt ráo Không?
- Không chẳng rốt ráo.
- Thế nào là Hữu?
- Hữu mà không tướng.
- Chẳng ngộ thì sao?
- Đại đức tự chẳng ngộ, chẳng phải tại người làm chương ngại.
- Phật pháp ở nơi ba mé (trong ngoài giữa) chẳng?
- Thấy tại vô tướng chẳng ở ngoài, ứng dụng không cùng, chẳng ở tại trong, chẳng giữa không có chỗ trụ, ba mé không thể được.
- Câu đáp này rất hỗn tạp.
- Chính khi Thầy nói hai chữ “hỗn tạp” là ở trong hay ở ngoài?
- Đề tử xét nghiệm trong ngoài không dấu vết.
- Nếu không dấu vết thì biết rõ lời nói từ trước đến giờ không có hỗn tạp.
- Thế nào được làm Phật?
- Tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật.
- Chúng sanh vào địa ngục, Phật tánh có vào chẳng?
- Như hiện nay chính khi làm ác lại có lành chẳng?
- Không.
- Chúng sanh vào địa ngục, Phật tánh cũng như thế.
- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là thế nào?

- Tạo dựng Phật là tánh Phật, tạo dựng kẻ cướp là tánh cướp, tạo dựng chúng sanh là tánh chúng sanh. Tánh không hình tướng, tùy dụng đặt tên. Kinh nói: “Tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.” (Kinh Kim Cang).

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Rời ngoài tâm thì không có Phật.

- Thế nào là Pháp thân?

- Tâm là Pháp thân, nghĩa là hay sanh muôn pháp nên gọi là Pháp giới thân. Luận Khởi Tín nói: “Nói là pháp đó, nghĩa là tâm chúng sanh, tức y tâm này hiển bày nghĩa Đại thừa.”

- Thế nào là nói có quyền kinh lớn trong hạt bụi nhỏ?

- Trí tuệ là quyền kinh lớn. Kinh nói: “Có quyền kinh lớn lượng bằng thế giới tam thiên đại thiên, ở trong một hạt bụi nhỏ.” Một hạt bụi là một niệm tâm trần vậy. Cho nên nói “trong một niệm trần nói ra hà sa bài kệ, người đời tự chẳng biết”.

- Sao gọi là thành đại nghĩa? Sao gọi là vua đại nghĩa?

- Thân là thành đại nghĩa. Tâm là vua đại nghĩa. Kinh nói: “Người đa văn giỏi về nghĩa, mà chẳng giỏi về nói năng, nói năng là sanh diệt, nghĩa chẳng sanh diệt, nghĩa không hình tướng, ngoài lời nói năng. Tâm là quyền kinh lớn, tâm là vua nghĩa lớn. Nếu người chẳng biết tâm rành rõ thì không gọi là giỏi nghĩa, chỉ là người học ngữ.”

Lại hỏi: - Kinh Bát-nhã nói “Độ chín loài chúng sanh đều vào Vô dư Niết-bàn”, lại nói “thật không chúng sanh được diệt độ”, hai đoạn văn kinh này làm sao thông hội? Người xưa và người nay đều nói “thật độ chúng sanh mà không chấp tướng chúng sanh”. Tôi vẫn còn nghi, thỉnh Thầy vì tôi giải nghi.

Sư đáp: - Chín loài chúng sanh trong một thân đầy đủ, tùy tạo nghiệp tùy thành quả. Vô minh là noãn sanh, phiền não bao bọc ở trong là thai sanh, nước ái đượm nhuần là thấp sanh, chột khởi phiền não là hóa sanh. Ngộ liền là Phật, mê gọi là chúng sanh. Bỏ tất cả dùng tâm niệm niệm làm chúng sanh. Nếu thấu rõ niệm niệm nơi tâm, thể nó đều không, gọi là độ chúng sanh. Người trí căn cứ trên bản thể (tâm) của mình mà độ lúc chưa thành hình, chưa thành hình đã không thì biết thật không chúng sanh được diệt độ.

Có vị tăng hỏi:

- Ngôn ngữ là tâm chăng?

Sư đáp:

- Ngôn ngữ là duyên chẳng phải tâm.

- Là duyên cái gì là tâm?

- Là ngôn ngữ không tâm.

- Là ngôn ngữ đã không tâm, vậy cái gì là tâm?

- Tâm không hình tướng, chẳng là ngôn ngữ, chẳng phải chẳng là ngôn ngữ, tâm thường lặng lẽ, ứng dụng tự tại. Tổ sư nói: “Nếu thấu rõ tâm phi tâm, mới hiểu tâm tâm pháp.”

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là định tuệ đồng học?

Sư đáp:

- Định là thể, tuệ là dụng, từ định khởi tuệ, từ tuệ về định, như nước với sóng, một thể lại không có trước sau, gọi là định tuệ đồng học. Phàm kẻ xuất gia chớ tìm lời theo câu, đi đứng ngồi nằm đều là tánh dụng của người, thì có chỗ nào cùng đạo không tương ứng? Hãy tự nhất thời thôi dứt đi, nếu chẳng theo gió ngoại cảnh thì nước tánh thường tự lặng lẽ.

Vô sự, trân trọng!